

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NHIỆT ĐIỆN GIA LAI

*(Giấy chứng nhận ĐKKD số 3903000148 ngày
02 tháng 08 năm 2007, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 21/7/2009)*

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

*(Quyết định niêm yết số: 172/QĐ-SGDHCM của Sở giao dịch
Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 12 năm 2009)*



**TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA**

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NHIỆT ĐIỆN GIA LAI (SEC)

Trụ sở: 561 Trần Hưng Đạo, Thị xã Ayunpa, Gia Lai

Điện thoại: (059) 3 657236

Fax : (059) 3 657236

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA (ROSE)

Trụ sở chính: Số 106 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3 8247948

Fax : (08) 3 8247950

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Hồ Đắc Dũng, Chức vụ: Kế toán trưởng

Số điện thoại: 0593 603338

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NHIỆT ĐIỆN GIA LAI

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 3903000148 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 2/8/2007, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 21/07/2009)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

TÊN CỔ PHIẾU:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NHIỆT ĐIỆN GIA LAI

Loại cổ phiếu: Phổ thông
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng niêm yết: 12.613.472 cổ phần
Tổng giá trị niêm yết: 126.134.720.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Địa chỉ: 217 Nguyễn Văn Linh, TP Đà Nẵng
Điện thoại: (84) 511. 3655 886
Fax: (84) 511. 3655 887

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA
Địa chỉ: 106 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08. 38247.948
Fax: 08. 38247.950
Website: www.rose.com.vn

MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	1
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO:	5
1. Rủi ro về kinh tế:.....	5
2. Rủi ro về luật pháp:.....	5
3. Rủi ro đặc thù:.....	6
4. Rủi ro khác:.....	6
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH:	6
1. Tổ chức niêm yết:	6
2. Tổ chức tư vấn:	7
III. CÁC KHÁI NIỆM:	7
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT:	7
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:.....	7
2. Cơ cấu tổ chức của công ty:.....	10
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty:.....	13
4. Danh sách cổ đông (nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của công ty; danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ):	19
5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết:	20
6. Hoạt động kinh doanh:.....	21
6.1 Các nhóm sản phẩm của công ty:.....	20
6.2 Kế hoạch phát triển kinh doanh:.....	20
6.3 Sản lượng sản phẩm, giá trị qua các năm (tỷ lệ từng loại sản phẩm trong doanh thu, lợi nhuận)	21
6.4 Nguyên vật liệu:.....	21
6.5 Chi phí sản xuất:	23
6.6 Trình độ công nghệ:.....	24
6.7 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:	28
6.8 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm:.....	28
6.9 Hoạt động Marketing:.....	33
6.10 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền:	33
6.11 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết:.....	34
6.12 Hệ thống phân phối sản phẩm của công ty:	33
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2006 và 2007:.....	35
7.1 Tóm tắt chỉ tiêu về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm 2006, 2007 và 9 tháng đầu năm 2008:	35
7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất:	35
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:.....	36
9. Chính sách đối với người lao động:	39
10. Chính sách cổ tức:	40
11. Tình hình hoạt động tài chính:	40
12. Hội đồng quản trị, ban giám đốc, ban kiểm soát, kế toán trưởng:	42
13. Tài sản:	50
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận, cổ tức trong năm kế tiếp:	51
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:.....	51

16. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện được của tổ chức đăng ký niêm yết:	52
17. Các thông tin, kiện tục của công ty niêm yết mà có thể ảnh hưởng giá cổ phiếu chứng khoán đăng ký niêm yết:	52
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT:	52
1. Loại chứng khoán:	52
2. Mệnh giá:	52
3. Tổng số chứng khoán niêm yết:	52
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật:	52
5. Giá niêm yết dự kiến:	52
6. Phương pháp tính giá:	52
7. Giới hạn về tỉ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:.....	52
8. Các loại thuế có liên quan:.....	53
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT:	53
VII. PHỤ LỤC:	54

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Là một thực thể sống trong nền kinh tế, dĩ nhiên, hoạt động sản xuất kinh doanh của bất kỳ doanh nghiệp nào cũng chịu ảnh hưởng và chịu tác động bởi tình trạng sức khỏe của nền kinh tế, trong cũng như ngoài nước. Khi kinh tế tăng trưởng tốt với nhịp độ tăng trưởng GDP cao, mức sống người dân được cải thiện thì nhu cầu tiêu dùng sản phẩm hàng hoá, dịch vụ sẽ ngày càng gia tăng và do đó doanh nghiệp càng có cơ hội khai thác thị trường để tăng trưởng. Ngược lại, khi kinh tế bước vào giai đoạn suy thoái hoặc khủng hoảng, nhu cầu tiêu thụ hàng hoá sẽ co hẹp lại và do đó, nói chung, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp sẽ bị ảnh hưởng.

Tuy nhiên, đối với một ngành thuộc nhóm ngành sản xuất hàng tiêu dùng thiết yếu như ngành đường, các tác động xấu khi kinh tế suy thoái hoặc ngay cả khủng hoảng là không đáng kể vì thị trường tiêu thụ đường là rất rộng lớn.

Thực vậy, trước hết, đường là thực phẩm cần thiết trong thực đơn hàng ngày của mỗi người. Theo thống kê của Hiệp hội tim mạch Hoa Kỳ, chưa kể lượng đường tự nhiên được hấp thụ qua thực phẩm như trái cây, nước trái cây, sữa, lượng đường bổ sung trung bình mỗi ngày của một người lớn (Mỹ) là 22 thìa cà phê (tương đương với 88 grams), cho một một thanh thiếu niên là 34 thìa cà phê (136 grams)¹.

Thứ đến, đường còn là nguyên liệu đầu vào không thể thiếu của nhiều ngành sản xuất thực phẩm khác như bánh, kẹo, nước giải khát,...

Đường cũng là chất phụ gia cần thiết, là nguyên liệu đầu vào của các ngành công nghiệp dược phẩm, năng lượng.

Chính vì vậy, ngay cả trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế, nhu cầu tiêu thụ đường không những không giảm mà còn lại gia tăng. Theo Leonardo Bichara Rocha, nhà kinh tế của Tổ chức Đường Quốc tế (ISO), tính trên toàn cầu, lượng đường thiếu hụt so với nhu cầu của năm 2009 là 7-8 triệu tấn, cho năm tới (2010) là 4-5 triệu tấn². Cũng theo kinh tế gia này, chính sự thiếu hụt nguồn cung đường trên phạm vi toàn cầu đã hỗ trợ giá đường đạt mức giá cao lịch sử trong vòng 28 năm qua³.

Từ những lý do nói trên, có thể khẳng định rằng, các rủi ro kinh tế đối với đối với đầu tư vào cổ phiếu ngành đường nói chung và cổ phiếu Công ty Mía đường Nhiệt điện Gia Lai, với hoạt động chính là sản xuất đường từ cây mía, là không đáng kể, ít nhất là trong vài năm tới.

2. Rủi ro về luật pháp

Nghề trồng mía và sản xuất đường đã xuất hiện và tồn tại từ lâu đời ở Việt Nam nhưng cho đến nay vì nhiều lý do, sản xuất đường trong nước vẫn được xếp vào nhóm

¹ The Associated Press, **Americans eat 22 teaspoons of sugar a day**, <http://www.msnbc.msn.com/id/32543288/>

² Sean O'Grady, **Chasing a sugar rush: global deficit drives price rises**, <http://www.independent.co.uk/news/business/analysis-and-features/chasing-a-sugar-rush-global-deficit-drives-price-rises-1770349.html>.

³ Mike Cohen, **Sugar Deficit to Support 28-Year High Price, ISO Says**, http://www.bloomberg.com/apps/news?pid=20601116&sid=aw_sgosG_0YM#

sản phẩm có khả năng cạnh tranh thấp khi nền kinh tế hội nhập. Những yếu kém cố hữu có thể thấy rõ của của ngành đường Việt Nam là quy mô nhà máy nhỏ, kỹ thuật chọn giống và lai tạo giống còn lạc hậu cho nên cây mía cho năng suất thấp, cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư hoàn chỉnh (hệ thống tưới, tiêu, đường vận chuyển mía,...), chính sách quy hoạch vùng nguyên liệu và hỗ trợ cho người nông dân vẫn còn nhiều bất cập... cho nên người nông dân chưa toàn tâm toàn ý để tạo dựng và duy trì các vùng nguyên liệu ổn định cho các nhà máy. Nếu các doanh nghiệp sản xuất đường Việt Nam không cải tiến mạnh về công nghệ chế biến, sản xuất, phương thức quản lý, chính sách vùng nguyên liệu, chính sách lai tạo giống để nâng cao năng suất, chính sách hỗ trợ cho người trồng mía, điều này đồng nghĩa với việc đầu tư vào cổ phiếu ngành đường sẽ gặp không ít rủi ro khi Việt Nam thực sự tham gia vào tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Một mặt, theo cam kết AFTA và theo lộ trình gia nhập WTO, sự bảo hộ của Nhà nước đối với ngành mía đường qua hàng rào thuế quan sẽ giảm dần, từ 30% xuống còn 5% vào năm 2010. Thuế suất thấp giúp cho đường từ nước ngoài có thể tràn vào và cạnh tranh trực tiếp với đường sản xuất trong nước. Do phần lớn các nhà máy đường của Việt Nam đều có quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu, chắp vá, chính sách hỗ trợ cho nông dân, chính sách quy hoạch vùng nguyên liệu chưa rõ ràng nên chi phí sản xuất đường tại Việt Nam cao hơn các nước khác rất nhiều. Vì vậy, việc giảm thuế nhập khẩu đường sẽ gây khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất đường trong nước.

Mặt khác, ngoài một lượng lớn nhập khẩu qua đường chính ngạch, ngành sản xuất đường tại Việt Nam nước còn phải đối mặt với lượng đường nhập lậu từ Thái Lan, Trung Quốc,... Nếu không có chính sách quản lý và kiểm soát hữu hiệu, đường nhập lậu qua con đường phi pháp sẽ tác động tiêu cực tới sản xuất và tiêu thụ đường trong nước.

3. Rủi ro đặc thù

- Rủi ro nguyên liệu:

Nguyên liệu chính cho ngành sản xuất đường là cây mía, mía cây có hàm lượng đường cao sẽ cho sản lượng đường lớn. Công ty đã ban hành và duy trì các chính sách hỗ trợ người nông dân trồng mía nhằm ổn định nguồn nguyên liệu, giúp nhà máy vận hành hết công suất, giảm các chi phí cố định. Chi tiết về nguồn nguyên liệu xin xem ở mục 6.4 Bản cáo bạch này.

- Rủi ro lạm phát: Lạm phát sẽ làm tăng giá nguyên liệu và nhiên liệu khác như dầu DO, FO. Tuy nhiên, Công ty cũng đã tận dụng phế phẩm là bã mía để sản xuất điện vì vậy cũng giảm được chi phí đáng kể.

4. Rủi ro khác

Một số rủi ro khác ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm của Công ty như thiên tai, hạn hán làm giảm nguồn cung cấp nguyên liệu mía cây, chiến tranh, dịch bệnh...

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NHIỆT ĐIỆN GIA LAI

- Ông: Tân Xuân Hiến - Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông: Nguyễn Ngọc Ánh - Giám đốc
- Ông: Hồ Đắc Dũng - Kế toán trưởng

- Ông: Phan Thanh Lạc- Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA

- Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Công Hưởng

- Chức vụ: Tổng giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia (ROSE) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai (SEC). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do SEC cung cấp.

ROSE không khẳng định hoặc bảo đảm, dù rõ ràng hoặc ngụ ý, về tính chính xác, hoàn chỉnh hoặc đầy đủ của các thông tin nêu trong Bản cáo bạch này. Thông tin được cung cấp trong Bản cáo bạch này cũng không nhằm mục đích cung cấp cơ sở cho việc định giá hoặc xếp hạng tín dụng cho bất cứ tổ chức nào.

Người nhận Bản cáo bạch không nên xem Bản cáo bạch này là tài liệu khuyến nghị mua cổ phiếu SEC. Trước khi quyết định đầu tư, nhà đầu tư phải tự xác định, tự kiểm tra và đánh giá sự phù hợp của các thông tin nêu trong Bản cáo bạch, thông tin về SEC cũng như các thông tin về các lợi ích và rủi ro có liên quan.

III. CÁC KHÁI NIỆM

a) **Công ty:** CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NHIỆT ĐIỆN GIA LAI

b) **CBCNV:** Cán bộ công nhân viên công ty Cổ phần Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai.

c) **HĐQT:** Hội đồng quản trị công ty Cổ phần Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai

d) **BKS:** Hội đồng quản trị công ty Cổ phần Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai

e) **ĐHĐCĐ:** Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai.

f) **KCS:** Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm.

g) **UBND:** Ủy ban nhân dân

h) **BVTV:** Bảo vệ thực vật

i) **TSCĐ:** Tài sản cố định

j) **CP:** Cổ phiếu

k) **SEC:** Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai

l) **ROSE:** Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng Gia

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty Mía Đường Nhiệt điện Gia Lai là Công ty TNHH Mía Đường Bourbon Gia Lai được thành lập trên cơ sở liên doanh giữa Công ty Mía Đường Gia Lai (Công ty trực thuộc UBND tỉnh Gia Lai) và Groupe Des Societes De Bourbon

(phía Cộng hòa Pháp) theo giấy phép đầu tư số 1950/GP ngày 18/7/1997 của Bộ kế hoạch và đầu tư với công suất thiết kế nhà máy là 1.500 tấn mía cây/ngày.

Năm 2007, Tập đoàn Bourbon (Pháp) chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp cho Công ty Mía đường Gia Lai theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ký ngày 25/04/2007.

Ngày 16/5/2007 UBND tỉnh Gia Lai ký Quyết định số 1300/UBND -TH về việc Huy động để mua lại phần vốn của tập đoàn Bourbon Pháp: Đồng ý chủ trương cho Công ty Mía đường Gia Lai huy động vốn từ hộ nông dân trồng mía, Cán bộ công nhân viên của Công ty, Ngân hàng Sài Gòn Thương tín (Sacombank), công ty Điện Gia Lai và các tổ chức cá nhân khác có quan hệ tạo điều kiện phát triển nhà máy đường... để thực hiện mua lại phần vốn 51% của Tập đoàn Bourbon ở Công ty TNHH Mía đường Bourbon Gia Lai. Theo đó, công ty Mía đường Gia Lai chỉ là đại diện ký hợp đồng mua lại phần vốn của Tập đoàn Bourbon và phân phối lại cho các chủ thể trên.

Ngày 19/10/2007, Công ty TNHH Mía đường Bourbon Gia Lai chuyển thành Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai trên cơ sở cổ phần hoá Công ty TNHH Mía đường Bourbon Gia Lai.

Công ty được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000148 ngày 02/8/2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 02 vào ngày 21/7/2009. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động kinh doanh theo luật doanh nghiệp, điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện nay là: 126.134.720.000 đồng.



Logo của Công ty Cổ phần Mía Đường Nhiệt điện Gia Lai

Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai:

- **Địa chỉ:** 561 Trần Hưng Đạo, Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai
- **Điện thoại:** (084) 059.3657 236
- **Fax:** (084) 059.3657 236
- **Email:** sec@dng.vnn.vn

Các ngành nghề kinh doanh chính :

Stt	Tên ngành	Mã ngành
01	Sản xuất đường, các sản phẩm sau đường: mật rỉ, bánh kẹo, đồ uống	1072
02	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510
03	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
04	Chế biến hàng nông sản (trừ mủ cao su)	
05	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa, mủ cao su)	4620
06	Kinh doanh vận tải hàng hoá	

07	Gia công cơ khí	2592
08	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
09	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
10	Khách sạn	55101
11	Sản xuất phân bón	2012
12	Sản xuất gạch tuynel	
13	Trồng và đầu tư mía giống	

Các thành tích đã đạt được trong quá trình thành lập :

Năm 2000:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tặng bằng khen về thành tích đã có nhiều đóng góp thực hiện chương trình mía đường năm 1995 -2000.
- Bộ Lao động - thương binh và xã hội tặng bằng khen: Đã có thành tích thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động năm 2000.
- Liên đoàn lao động tỉnh Gia Lai tặng bằng khen: Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua và xây dựng đơn vị xanh sạch đẹp, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.

Năm 2002 :

- Bộ Y tế tặng bằng khen: Đã có thành tích trong công tác an toàn - vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ năm 2002.
- UBND Tỉnh Gia Lai tặng bằng khen: Đã có nhiều thành tích trong công tác góp phần thực hiện tốt chỉ thị 15-CT/TW của Bộ chính trị năm 1997-2002.

Năm 2006 :

- Công an Tỉnh Gia Lai tặng Giấy khen: Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào PCCC từ năm 2001-2006.



2. Cơ cấu tổ chức của công ty

2.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người đại diện cổ đông được ủy quyền. Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau:

- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Thông qua định hướng phát triển Công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Quyết định mức cổ tức hàng năm cho mỗi loại cổ phần;
- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- Và các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

2.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu cử theo nhiệm kỳ, có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có các quyền hạn sau:

- a) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- b) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- c) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

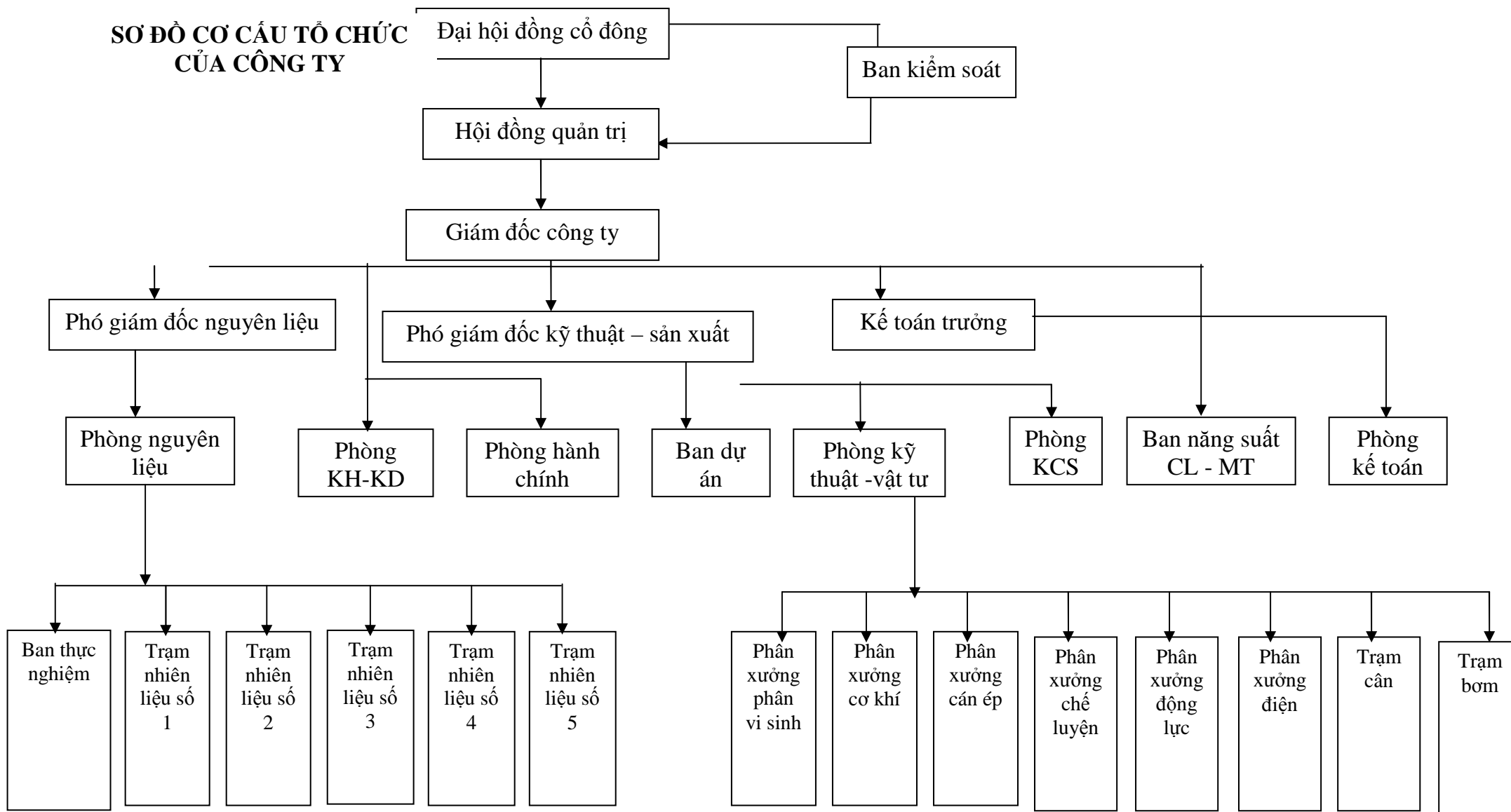
- d) Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc điều hành và quyết định mức lương;
- e) Đề xuất mức cổ tức hàng năm;
- f) Đề xuất các loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu có thể phát hành;
- g) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu;
- h) Và các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty;

2.3. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý điều hành công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, lập báo cáo tài chính;
- c) Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- d) Và các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

**SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC
CỦA CÔNG TY**



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

3.1. Bộ phận quản lý

- Giám đốc Công ty
- Phó giám đốc, phụ trách nguyên liệu
- Phó giám đốc, phụ trách Kỹ thuật – sản xuất

Giám đốc Công ty có nhiệm vụ quyền hạn:

Là người quyết định và điều hành toàn bộ mọi hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty theo Luật doanh nghiệp và theo Điều lệ của SEC, cụ thể như sau :

- a) Thực hiện các Nghị Quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông;
- b) Quyết định ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của công ty theo thẩm quyền;
- c) Đề xuất việc hợp tác đầu tư, liên doanh kinh tế của Công ty;
- d) Quyết định các vấn đề về tổ chức bộ máy điều hành để đảm bảo hiệu quả cao;
- e) Đề nghị phân chia lợi nhuận, phân phối lợi nhuận vào các quỹ Công ty lên Hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông;
- f) Ký duyệt quyết toán của Công ty và trình Hội đồng quản trị phê duyệt;
- g) Quyết định về việc chuyển nhượng, cầm các loại tài sản chung của Công ty theo qui định của Điều lệ Công ty;
- h) Đề nghị về việc thành lập mới, sáp nhập, giải thể các đơn vị trực thuộc Công ty có sử dụng nguồn vốn đầu tư của Công ty lên Hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông;
- i) Quyết định về việc đề cử Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty lên Hội đồng quản trị, bổ nhiệm, bãi miễn trưởng phó phòng Công ty và các chức danh lãnh đạo khác của các đơn vị trực thuộc;
- j) Quyết định về kế hoạch đào tạo cán bộ, cử cán bộ của Công ty đi nước ngoài;
- k) Quyết định các biện pháp bảo vệ môi trường trong sản xuất kinh doanh;
- l) Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm Điều lệ, nội qui của Công ty;
- m) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty và thực hiện nộp ngân sách hàng năm theo chỉ tiêu của Hội đồng quản trị giao.

Nhiệm vụ quyền hạn của Phó Giám Đốc Công Ty

- Các Phó giám đốc Công ty là người giúp việc cho giám đốc, được Giám đốc ủy quyền hoặc chịu trách nhiệm trong một số lĩnh vực quản lý chuyên môn, chịu trách nhiệm trực tiếp với Giám đốc về các phần việc được phân công.

- Phó giám đốc nguyên liệu chịu trách nhiệm quản lý và phát triển vùng nguyên liệu mía, chỉ đạo bộ phận chuyên môn thực hiện nhiệm vụ qui hoạch, phát triển vùng nguyên liệu đồng thời thu mua nguyên liệu đáp ứng cho nhu cầu sản xuất của nhà máy. Phân bổ lịch đồn mía hợp lý và khoa học, có kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu mía ổn định và lâu dài.

- Phó giám đốc phụ trách Kỹ thuật sản xuất, được Giám đốc phân công chịu trách nhiệm phối hợp kế hoạch sản xuất kinh doanh của các đơn vị trực thuộc; hướng dẫn và kiểm tra các bộ phận trực thuộc về mặt thiết kế, kỹ thuật, qui trình công nghệ của các

mặt hàng, sản phẩm theo hợp đồng kinh tế mà Công ty đã ký kết với khách hàng. Nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, đề xuất các qui trình công nghệ mới .

- Khi giám đốc vắng, có văn bản ủy quyền lại cho phó giám đốc được ủy quyền thay mặt giám đốc giải quyết mọi công việc.

3.2. Bộ phận nghiệp vụ gồm

- Phòng Kế hoạch, Kinh doanh
- Phòng Kỹ thuật, Vật tư
- Phòng Kế toán, Tài vụ
- Phòng Hành Chính,- Nhân Sự.
- Phòng Nguyên liệu
- Ban dự án đầu tư
- Phân xưởng KCS
- Ban Năng suất - Chất lượng - Môi trường

Nhiệm vụ quyền hạn của phòng Kế hoạch - Kinh doanh:

a) Phối hợp các bộ phận trực thuộc Công ty xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch dài hạn và tổng hợp kế hoạch sản xuất – kinh doanh toàn Công ty. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất – kinh doanh của Công ty theo định kỳ;

b) Phối hợp với các phòng ban và các bộ phận trực thuộc để xây dựng đồng bộ các mặt kế hoạch: Kế hoạch sử dụng vốn và tài vụ, kế hoạch vật tư kho hàng, kế hoạch sản xuất - nghiên cứu kỹ thuật, kế hoạch xây dựng cơ bản, kế hoạch lao động tiền lương, kế hoạch tiếp thị và kế hoạch liên kết kinh tế;

c) Lập chương trình và tham mưu cho Giám Đốc Công ty giao kế hoạch và xét duyệt hoàn thành kế hoạch của các bộ phận trực thuộc, giúp cho Giám đốc kiểm tra và tổng hợp tình hình trong quá trình thực hiện kế hoạch, phát hiện các vấn đề có liên quan và đề xuất hướng giải quyết;

d) Quản lý hợp đồng kinh tế, hàng hóa vật tư, xuất nhập kho hàng;

e) Phối hợp với phòng kế toán: Kiểm tra, kiểm soát việc mua vật tư và quản lý hợp đồng kinh tế;

f) Nghiên cứu tìm hiểu thị trường để tiêu thụ các sản phẩm như: Đường RS, mật rỉ, phân vi sinh, các loại phụ phẩm khác;

g) Hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng (vào ngày cuối cùng của tháng có trách nhiệm) báo cáo tình hình thực hiện và những tồn tại đồng thời đề xuất biện pháp giải quyết, tổng hợp báo cáo cho Ban giám đốc.

Nhiệm vụ quyền hạn của phòng Kỹ Thuật – Vật tư:

a) Quản lý, kiểm tra và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện các qui trình, sản xuất gia công các mặt hàng, sản phẩm theo đúng mẫu mã, qui trình kỹ thuật, theo hợp đồng đã ký kết với khách hàng;

b) Chịu trách nhiệm toàn bộ mua vật tư, thiết bị, văn phòng phẩm, nhiên liệu, hoá chất, bao bì và các loại khác;

c) Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm;

- Nghiệm thu hàng hoá khi nhập kho về các loại vật tư;
- Nghiệm thu tiêu chuẩn chất lượng đường nhập kho.
- d) Quản lý xuất nhập hàng hoá vật tư, chịu trách nhiệm khảo sát giá thị trường về vật tư hàng hoá, thực hiện qui trình thẩm định theo qui chế trước khi trình Ban Giám đốc phê duyệt;
- e) Nghiên cứu cải tiến các mặt hàng, sản phẩm của công ty đang sản xuất để nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm. Quản lý các định mức kỹ thuật (mức tiêu hao năng lượng, vật tư của các sản phẩm);
- f) Xây dựng chương trình sản xuất hằng năm và dài hạn của Công ty trên cơ sở năng lực, thiết bị và nguồn vật tư nguyên liệu;
- g) Quản lý chất lượng sản phẩm (KCS) khi xuất kho và chất lượng vật tư, hàng hóa khi nhập kho;
- h) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo dưỡng, nâng cấp công suất, sửa chữa lớn các thiết bị của công ty và kiểm tra việc bảo dưỡng sửa chữa lớn các thiết bị theo định kỳ;
- i) Cùng các phòng ban tổ chức nghiệm thu, quyết toán các hạng mục chương trình làm mới và nâng cấp;
- j) Hằng tháng vào ngày cuối cùng của tháng có trách nhiệm báo cáo tình hình những nhiệm vụ đã thực hiện, kết quả và những tồn tại; đề xuất biện pháp giải quyết, tổng hợp báo cáo cho Ban giám đốc .

🚩 *Nhiệm vụ quyền hạn của phòng Kế toán:*

- a) Tổ chức hạch toán kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo đúng Luật kế toán hiện hành, thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát các nguồn vốn, đề xuất những biện pháp cụ thể để mang lại hiệu quả cao nhất.
- b) Tổng hợp kết quả kinh doanh, lập báo cáo kế toán thống kê, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh để phục vụ cho việc kiểm tra thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- c) Ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời và có hệ thống, sự diễn biến các nguồn vốn; giải quyết các loại vốn, phục vụ cho việc huy động vật tư, nguyên liệu, hàng hóa trong sản xuất kinh doanh của công ty .
- d) Theo dõi công nợ của công ty, phản ánh và đề xuất kế hoạch thu chi tiền mặt và các hình thức thanh toán khác. Thực hiện công tác thanh toán đối nội và thanh toán quốc tế .
- e) Thực hiện quyết toán quý, 6 tháng, năm đúng tiến độ, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà Nước và tham gia cùng với các phòng nghiệp vụ của công ty để hạch toán lỗ lãi .
- f) Tham mưu cho giám đốc Công ty chỉ đạo các bộ phận thực hiện các chế độ quản lý tài chính, tiền tệ theo qui định hiện hành.
- g) Cùng với phòng Kế hoạch – Kinh doanh, Kỹ thuật – Vật tư giúp Giám đốc ký kết hợp đồng mua bán, chọn nhà cung cấp vật tư hàng hoá, giao kế hoạch, xét duyệt hoàn thành kế hoạch .

h) Hằng tháng vào ngày cuối cùng của tháng có trách nhiệm báo cáo tình hình những nhiệm vụ đã thực hiện kết quả và những tồn tại; đề xuất biện pháp giải quyết, tổng hợp báo cáo cho Ban giám đốc.

✚ Nhiệm vụ, quyền hạn của phòng Hành chính - Nhân sự :

a) Tham mưu cho giám đốc công ty về các công việc hành chính bố trí nhân sự phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty .

b) Quản lý hồ sơ lý lịch nhân viên toàn Công ty, giải quyết thủ tục về chế độ tuyển dụng, thôi việc, bổ nhiệm, bãi miễn, kỷ luật, khen thưởng, nghỉ hưu v.v... là thành viên thường trực của hội đồng thi đua và hội đồng kỷ luật của Công ty .

c) Tham mưu cho giám đốc quyết định việc đề bạt, phân công cán bộ lãnh đạo và quản lý của Công ty cũng như các bộ phận trực thuộc .

d) Xây dựng kế hoạch chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, thi (hoặc sát hạch) tay nghề cho cán bộ nhân viên và công nhân toàn Công ty .

e) Quản lý lao động tiền lương CBCNV phối hợp với phòng Kế toán xây dựng tổng quỹ tiền lương và xét duyệt phân bổ quỹ tiền lương, kinh phí hành chính Công ty và các bộ phận trực thuộc .

f) Nghiên cứu việc tổ chức lao động khoa học, xây dựng các định mức lao động, giá thành của lao động trên đơn vị sản phẩm (cùng với các phòng nghiệp vụ) cho các bộ phận trực thuộc .

g) Quản lý trụ sở Công ty khu tập thể, căn tin, khu cán bộ đảm bảo an ninh trật tự vệ sinh, môi trường cảnh quan của các khu vực đó.

h) Quản lý việc lập kế hoạch và cấp phát văn phòng phẩm hằng tháng cho các phòng ban trực thuộc Công ty, quản lý việc duy tu và đề nghị mua sắm các thiết bị văn phòng như: Điện thoại, máy tính, máy photocopy, bàn ghế làm việc, xe ô tô, thiết bị phòng cháy chữa cháy, điện chiếu sáng .

i) Dự trù mua sắm đồ bảo hộ lao động và giám sát việc thực hiện trang bị bảo hộ lao động.

j) Đề xuất và kiểm tra về an toàn vệ sinh lao động, cùng các phòng ban liên quan đảm bảo thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động và các chế độ liên quan đến lao động.

k) Quản lý công văn, giấy tờ, sổ sách hành chính và con dấu. Thực hiện công tác lưu trữ các tài liệu thường và tài liệu quan trọng.

l) Xây dựng lịch công tác, lịch giao ban, hội họp, sinh hoạt định kỳ và bất thường.

m) Thực hiện công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ cơ quan và tham gia về an ninh quốc phòng và trật tự trị an với chính quyền địa phương .

n) Tham gia bảo vệ môi sinh, môi trường, phòng cháy, chữa cháy của công ty .

o) Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra trong Công ty, tổ chức công tác thanh tra ở các bộ phận trực thuộc về các nội dung liên quan.

p) Thực hiện công tác lễ tân, đón khách hướng dẫn theo yêu cầu nơi bộ phận muốn làm việc, bố trí chỗ ở cho khách nếu có yêu cầu.

q) Hằng tháng vào ngày cuối cùng của tháng có trách nhiệm báo cáo tình hình những nhiệm vụ đã thực hiện kết quả và những tồn tại; đề xuất biện pháp giải quyết và tổng hợp các báo cáo cho Ban giám đốc.

✚ Nhiệm vụ và quyền hạn của phòng Nguyên liệu:

a) Trên cơ sở công suất của nhà máy trong từng giai đoạn, khảo sát và đề nghị chính quyền địa phương qui hoạch vùng nguyên liệu đảm bảo sự ổn định của vùng nguyên liệu.

b) Tham mưu cho Ban giám đốc đề ra những chủ trương, chính sách hợp lý về đầu tư và tổ chức thu mua tốt, nhằm xây dựng vùng nguyên liệu có năng suất và chất lượng.

c) Tổ chức triển khai vốn đầu tư kịp thời, theo dõi và thu hồi vốn đúng hạn .

d) Lập kế hoạch và tổ chức thu mua đảm bảo số lượng sự công bằng giữa các nhà trồng mía với nhau. Việc thu mua phải đảm bảo chất lượng mía cung cấp đủ cho nhà máy. Phối hợp với phòng Kế toán về việc thanh toán và hạch toán kịp thời và chính xác. Phối hợp với nhà máy để có kế hoạch phát lệnh đôn hợp lý nhất.

e) Khuyến cáo kỹ thuật và các chương trình về: Giống mới, cơ giới hoá, chính sách đầu tư nhằm nâng cao năng suất, chất lượng cây mía cho người trồng mía bằng các hình thức:

- Tổ chức hội nghị tập huấn.

- Thông qua thông tin đại chúng

f) Tư vấn kỹ thuật trồng chăm sóc thu hoạch mía đến từng hộ nông dân

g) Thường xuyên kiểm tra tại đồng ruộng để phát hiện kịp thời sâu bệnh gây hại đề xuất lãnh đạo hướng xử lý và khuyến cáo các biện pháp phòng chống sâu bệnh .

h) Trực tiếp hoặc kết hợp với các trung tâm giống mía để khảo nghiệm các giống mía mới có năng suất chất lượng cao nhân rộng ra toàn vùng nguyên liệu .

i) Quản lý điều hành các trạm nguyên liệu thực hiện theo kế hoạch của phòng nguyên liệu đã xây dựng. Tuyên truyền chủ trương, chính sách của công ty tới các nhà trồng mía. Giải quyết đơn thư khiếu nại, khiếu tố một cách nghiêm túc để tạo niềm tin giữa các chủ mía với công ty .

j) Phối hợp với phòng Kỹ thuật – vật tư về mua phân bón, thuốc trừ sâu cấp đầu tư cho nông dân.

k) Hằng tháng vào ngày cuối cùng của tháng có trách nhiệm báo cáo tình hình những nhiệm vụ đã thực hiện, kết quả và những tồn tại; đề xuất biện pháp giải quyết, tổng hợp báo cáo cho Ban giám đốc.

✚ Nhiệm vụ và quyền hạn ban dự án đầu tư:

a) Dựa trên cơ sở Nghị quyết Hội đồng quản trị về kế hoạch phát triển công ty, phối hợp với các phòng chức năng xây dựng phương án đầu tư các dự án khả thi trình Ban giám đốc Công ty.

b) Tham mưu cho Giám đốc nội dung liên quan về tư vấn, giám sát, kỹ thuật, phát triển qui trình công nghệ mới.

c) Cùng với các phòng chức năng tổ chức đấu thầu theo đúng qui định của Nhà Nước.

d) Theo dõi, giám sát quá trình thi công và chịu trách nhiệm về việc thực hiện nội dung dự án.

e) Hằng tháng vào ngày cuối cùng của tháng có trách nhiệm báo cáo tình hình những nhiệm vụ đã thực hiện, kết quả và những tồn tại; đề xuất biện pháp giải quyết, tổng hợp báo cáo cho Ban giám đốc.

✚ Nhiệm vụ và quyền hạn của phân xưởng KCS:

a) Phân tích về công nghệ trong đó bao gồm: phân tích về mía cây, đường thành phẩm, phân tích công đoạn ép mía, phân tích công đoạn hoá chế, phân tích công đoạn nấu đường và ly tâm và phân tích nước, phân tích nước lò.

b) Lập kế hoạch sử dụng hoá chất cho toàn nhà máy.

c) Tổ chức nhân lực phù hợp để đảm nhiệm các vị trí, thực hiện liên tục và chính xác: Pha hoá chất, phân tích đặc biệt

d) Báo cáo hàng ngày về các thông số cho phòng Kỹ thuật – Vật tư và Ban giám đốc.

✚ Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Năng suất - Chất lượng - Môi trường:

a) Thực hiện theo ISO 9001 – 2000 và tích hợp ISO – 14000.

b) Phối hợp các bộ phận chức năng thường xuyên kiểm tra và đánh giá về năng suất, chất lượng sản phẩm kể cả vùng nguyên liệu mía, đề xuất với Giám đốc về các biện pháp cụ thể để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

c) Thường xuyên cùng với bộ phận chức năng kiểm tra và chịu trách nhiệm xử lý, có các biện pháp phù hợp đối với yêu cầu về môi trường, môi sinh trong toàn khu vực.

d) Cùng với phòng chức năng tham mưu cho ban Giám đốc giải quyết những diễn biến hiện tại và những công trình sắp đến về năng suất – chất lượng – môi trường.

e) Hằng tháng vào ngày cuối cùng của tháng có trách nhiệm báo cáo tình hình những nhiệm vụ đã thực hiện, kết quả và những tồn tại; đề xuất biện pháp giải quyết, tổng hợp báo cáo cho Ban giám đốc.

3.3. Bộ phận sản xuất – kinh doanh trực thuộc gồm có

- Phân xưởng Cơ Khí
- Phân xưởng Cán ép
- Phân xưởng Động lực
- Phân xưởng Chế luyện
- 5 trạm Nguyên liệu
- Phân xưởng sản xuất phân Vi sinh
- Phân xưởng Lò hơi – Phát điện
- Trạm bơm
- Trạm cân

✚ Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các trưởng bộ phận:

- a) Chấp hành triệt để sự chỉ đạo trực tiếp của phòng chuyên môn và Công ty.
- b) Tổ chức triển khai những nhiệm vụ đã được giao đảm bảo đạt chất lượng hiệu quả cao.
- c) Quản lý nhân viên thuộc quyền về giờ giấc làm việc trong quá trình lao động đảm bảo đúng qui trình kỹ thuật, đúng nội qui lao động đã ban hành, kịp thời chấn chỉnh những khiếm khuyết của cán bộ công nhân viên thuộc thẩm quyền cho phép và báo cáo lên cấp trên khi có vi phạm xảy ra.
- d) Điều động các loại tài sản, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của từng bộ phận theo sự phân cấp của công ty (có qui định cụ thể riêng).
- e) Thực hiện các biện pháp an toàn lao động, bảo vệ an ninh, môi trường và an ninh trật tự của đơn vị, tham gia tích cực trong công tác phòng cháy chữa cháy.
- f) Thực hiện mối quan hệ hợp tác trong mỗi lĩnh vực liên quan giữa các bộ phận với nhau phải thể hiện sự thân thiện và đoàn kết.

4. Danh sách cổ đông (nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của công ty; danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ theo danh sách cổ đông chốt ngày 31/10/2009):

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần:

Tên cổ đông	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị (1000 đồng)	Tỷ lệ (%)
Công ty Điện Gia Lai (cổ đông nhà nước)	3906000045 (do Sở KH & ĐT tỉnh Gia Lai cấp)	28 Phạm Văn Đồng - Pleiku - Gia Lai	6,592,692	65,926,920	52,27 %
Công ty TNHH Đặng Thành	4602001540 (do Sở KH&ĐT Bình Dương cấp)	Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Bình Dương	1,376,000	13,760,000	10,91 %

Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 39 03 000148 (Đăng ký lần đầu ngày 02/8/2007) :

T	Tên cổ đông	Số CMND, giấy ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị (1000 đồng)	Tỷ lệ(%)
1	Cty điện Gia Lai (cổ đông nhà nước)	3903000046 (do Sở KH & ĐT tỉnh Gia Lai cấp 12/11/2004)	28 Phạm Văn Đồng - Pleiku - Gia Lai	6,592,692	65,926,920	52.27
2	Nguyễn Ngọc Ánh	230 026 262	Trà Bá, Pleiku, Gia Lai	5,000	50,000	0.04

3	Nguyễn Văn Lùng	230 195 594	25 Tôn Thất Thuyết, Pleiku, Gia Lai	5,000	50,000	0.04
4	Nguyễn Đắc Ứng	230 859 284	37/2 Nguyễn Đình Chiểu - TP Pleiku	5,000	50,000	0.4
5	Công ty TNHH Đặng Thành	4602001540 (do Sở KH&ĐT Bình Dương cấp)	Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Bình Dương	1,250,000	12,500,000	9.91

Ghi chú:

- Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 39 03 000148 (Giấy đăng ký lần đầu) ngày 02/08/2007 cổ đông sáng lập sở hữu 1.250.000 cổ phần của Công ty TNHH Đặng Thành hiện nay là Ngân hàng Thương Mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín. Được sự chấp thuận của các cổ đông sáng lập còn lại, của ĐHCĐ, Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín chuyển nhượng lại cho công ty TNHH Đặng Thành và Công ty TNHH Đặng Thành trở thành cổ đông sáng lập đúng theo quy định.

- Đến thời điểm chốt danh sách cổ đông (ngày 31/10/2009), số cổ phần của cổ đông trên như sau: Ông Nguyễn Ngọc Ánh sở hữu 15.000 cổ phần. Ông Nguyễn Văn Lùng sở hữu 40.000cp. Ông Nguyễn Đắc Ứng 50.000cp. Công ty TNHH Đặng Thành Sở hữu 1,376,000cp

Cơ cấu cổ đông theo danh sách cổ đông chốt ngày 31/10/2009:

TT	Đối tượng	Giá trị mệnh giá (1000 đồng)	Số lượng cổ phần	Tỉ lệ nắm giữ (%)
I	Cổ đông là tổ chức:	86,226,920	8,622,692	68.36%
1	Tổ chức nhà nước	65,926,920	6,592,692	52.27%
2	Tổ chức ngoài nhà nước	20,300,000	2,030,000	16.09%
3	Tổ chức nước ngoài	0	0	0.00%
II	Cổ đông cá nhân:	39,907,800	3,990,780	31.64%
1	Cá nhân trong nước	39,907,800	3,990,780	31.64%
	CBNV trong Cty	6,333,600	633,360	5.02%
	Cá nhân ngoài Cty	33,574,200	3,357,420	26.62%
2	Cá nhân nước ngoài	0	0	0
	Cộng	126,134,720	12,613,472	100%

5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết
5.1. Công ty nắm quyền kiểm soát đối với Công ty cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai

Tên Công ty: Công ty Điện Gia Lai

Vốn điều lệ: 80.700.000.000 đồng

Số cổ phần nắm giữ: 6.592.692 cổ phiếu

Tỷ lệ nắm giữ: 52,27 %

Số Đăng ký kinh doanh: 3906000045 do Sở Kế hoạch & ĐT tỉnh Gia Lai cấp

Địa chỉ: 28 Phạm Văn Đồng, Tp. Pleiku, Gia Lai

Điện thoại: 059. 3823 604 - 3824 464

Ngành nghề kinh doanh:

a) Quản lý sản xuất điện năng, kinh doanh bán điện, thi công xây dựng lắp đặt các công trình thủy điện nhỏ, hệ thống đường dây, trạm biến áp có cấp điện áp từ 110 KV trở xuống và điện chiếu sáng đô thị, Sản xuất đúc trụ bê tông ly tâm, các cầu điện bê tông đúc sẵn và các phụ kiện điện phục vụ cho công tác xây lắp điện, Kinh doanh vật liệu điện và các dịch vụ thiết bị kỹ thuật điện.

b) Trồng cây công nghiệp theo đúng vùng quy hoạch; xây dựng các công trình thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông từ cấp 4 trở xuống, Gia công, chế biến. kinh doanh mua bán các mặt hàng nông sản.

c) Tư vấn khảo sát, thiết kế các công trình điện từ 35KV trở xuống, Tư vấn đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 35KV trở xuống; Tư vấn khảo sát, thiết kế các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 35Kv trở xuống) gồm:

- Lập dự án đầu tư: Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đầu tư;

- Tư vấn đấu thầu: Lập hồ sơ mời thầu, tổ chức đấu thầu, xét thầu;

- Giám sát thi công; kinh doanh thiết bị máy văn phòng.

d) Chế biến đường trắng kết tinh từ mía theo TCVN 1695-87 phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu; Chế biến các sản phẩm phụ từ chế biến đường (sản xuất giấy, sản xuất bánh kẹo ...). Làm dịch vụ cho các hộ gia đình nông dân trồng nguyên liệu phục vụ cho nhà máy chế biến; Mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành mía đường; Trồng và cung cấp nguyên liệu cho nhà máy và giống mía cho nông dân; Chăn nuôi bò; Sản xuất và kinh doanh phân bón.

5.2. Công ty bị nắm quyền kiểm soát bởi Công ty cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai: Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Các nhóm sản phẩm chính của công ty

- Đường RS: đường kết tinh
- Điện năng: Phát hoà điện lưới đồng thời với sản xuất đường.
- Mật rỉ (là sản phẩm thu hồi sau đường)
- Phân vi sinh (thu hồi từ phế phẩm là bã bùn, sau đó chế biến thành phân hữu cơ được sản xuất theo Công nghệ của Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng phân bón vi sinh Biogro Hà nội

6.2. Kế hoạch phát triển kinh doanh

Trong thời kỳ hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, đường vẫn được xem là mặt hàng thiết yếu và là một ngành kinh tế xã hội. Do vậy trong chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty luôn hướng đến tính bền vững với các dự án cụ thể sau:

a) Đầu tư lò hơi đốt bã mía và trấu công nghệ thế hệ mới, nhằm mục đích hạ giá thành sản phẩm và bảo vệ môi trường;

b) Xây dựng và phát triển cụm chế biến công nghiệp, chủ động nguyên liệu đáp ứng đủ nhu cầu cho hoạt động sản xuất với mục tiêu cung ứng ra thị trường 20.000 tấn đường hàng năm;

c) Phát điện lên lưới quốc gia từ nguồn nguyên liệu là bã mía, đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng cao;

d) Sản xuất thức ăn gia súc từ phụ phẩm đường, sản xuất phân vi sinh từ phế liệu qua quá trình sản xuất đường;

e) Phát huy và mở rộng hoạt động kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi.

6.3. Sản lượng sản phẩm, giá trị qua các năm (tỷ lệ từng loại sản phẩm trong doanh thu, lợi nhuận)

Đvt: Triệu đồng

Sản phẩm	Năm 2007				Năm 2008				09 tháng đầu năm 2009			
	Doanh thu		Lợi nhuận trước thuế		Doanh thu		Lợi nhuận trước thuế		Doanh thu		Lợi nhuận trước thuế	
	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
Đường RS	135,016	87	23,100	115.5	160,653	87	42,261	95.93	154,121	90	35,915	99
Mật ri	8,133	5	-600	-3	6,471	3	120	0.27	5,896	3	142	
Bã bùn	111	0.02	-200	-1	76	0.02	140	0.03	200		51	
Mía giống	95	0.03	15	-0.07	73	0.02	-20	-0.05	258		14	
Phân bón	11,377	7	15	0.07	17,614	10	-230	-0.52	11,214	7	180	1
Điện					457	0	10	0.02	167			

6.4. Nguyên vật liệu

6.4.1. Các nguyên vật liệu trong nước được sử dụng

Hóa chất, mía cây.

6.4.2. Các nhà cung cấp nguyên vật liệu lớn hiện nay của công ty

	Sản phẩm	Nhà cung cấp	Địa chỉ
1	Hoá chất	Công ty CP TM Tiến Hưng	142 A Lũy bán Bích, P. Phú Thạnh, Q, Tân Phú, TP. HCM
2	Hoá chất	C/ty TNHH TMDV T.T.C	78/38 Tuệ Tĩnh, Nha trang
3	Ngliệu chính: mía	Hợp đồng với Nông dân	TX AyunPa – Gia Lai

6.4.3. Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu

Với đặc thù là doanh nghiệp kinh doanh trong ngành mía đường, hiệu quả hoạt động của Công ty phụ thuộc rất lớn vào quy mô và chất lượng của vùng nguyên liệu. Nhận thức rõ điều đó, Công ty đã chủ động nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất, hàng năm công ty đầu tư giống, phân cho nông dân trồng mía với mục tiêu phát triển vùng nguyên liệu vì vậy công ty luôn ổn định được nguồn nguyên liệu đầu vào, nông dân trồng mía gắn bó với nhà máy vì có thu nhập ổn định.

6.4.4. Kế hoạch và biện pháp chủ động nguyên vật liệu

a) Với việc ký kết hợp đồng luân phiên từng hộ nông dân trong 3 năm cùng với vùng nguyên liệu mía tự có, Công ty hoàn toàn có thể chủ động trong nguyên liệu sản xuất của mình. Ngoài ra để ổn định và đảm bảo chất lượng nguồn nguyên liệu sản xuất tránh tổn thất đường, Công ty chủ động sắp xếp mua mía của các hộ nông dân đảm bảo nguyên liệu mía tươi về nhà máy.

b) Công tác tuyển chọn và nhân giống mía mới có năng suất và chất lượng cao để cải thiện tình trạng giống mía hiện nay luôn được công ty chú trọng.

c) Tăng cường các dịch vụ và hỗ trợ kỹ thuật cho người trồng mía đến tận ruộng như: làm đất đủ độ sâu, các biện pháp khuyến nông, cơ giới hóa các khâu trong canh tác và thu hoạch mía, mục đích để tăng năng suất và chất lượng mía đủ sức cạnh tranh với các cây trồng khác trong vùng.

d) Tiếp tục củng cố và phát triển hơn nữa mối quan hệ hợp tác làm ăn với các đối tác đóng vai trò là nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho công ty.

6.4.5. Tình hình đầu tư và thu mua nguyên liệu trong 4 năm gần đây

TT	Niên vụ	Số hộ ký HĐ (hộ)	DT ký HĐ (ha)	Sản lượng ký HĐ (tấn)	NSBQ (tấn/ha)	Vốn ứng trước (Trđ)	Vốn thu hồi (Trđ)	Tỷ lệ thu hồi vốn (%)
1	2005-2006	1,536	2,677	121,294	45	5,562	5,562	100
2	2006-2007	1,991	3,941	246,633	63	15,028	14,973	99.64
3	2007-2008	2,094	4,052	221,027	55	13,946	13,940	99.96
4	2008-2009	1,970	4,100	240,000	59	21,328	-	-

6.4.6. Tiềm năng vùng nguyên liệu

a) Vùng nguyên liệu tập trung, quỹ đất dồi dào:

b) Đất phù hợp với việc trồng mía tại huyện Iapa, Phú thiện và thị xã Ayunpa khoảng 10.000 ha đây là một lợi thế lớn của công ty về cự ly vận chuyển mía về nhà máy thắp (bình quân 22km) góp phần giảm giá thành.

c) Về chất lượng và năng suất mía cây: Năng suất bình quân mía cây ngày càng được cải thiện. Chất lượng mía được đảm bảo tốt do quá trình đầu tư chăm sóc của chủ mía có sự hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật và bằng phân bón chuyên dùng do nhà máy đầu tư.

d) Có sự hợp tác của các nhà trồng mía và sự ủng hộ giúp đỡ của chính quyền địa phương.

e) Có các chính sách đầu tư của hội đồng quản trị công ty về giống, vốn, phân, nước tưới cho cây mía.

f) Có hệ thống kênh AyunHạ và hệ thống sông suối là điều kiện thuận lợi đầu tư hệ thống tưới tăng năng suất mía và thời gian lưu gốc.

6.4.7. Cách thức thu mua và đầu tư của công ty

- a) Công ty thu mua mía trực tiếp từ người trồng mía nhằm tạo điều kiện cho người trồng mía hưởng toàn bộ giá mua mía của công ty.
- b) Công ty mua mía theo hợp đồng đầu tư và thu mua với nhà trồng mía theo đúng tinh thần chỉ đạo tại quyết định 80/2002/QĐ-TTG của Thủ tướng chính phủ.
- c) Ký hợp đồng đầu tư và thu mua trực tiếp với nhà trồng mía với thời hạn cả vòng đời cây mía và đảm bảo giá tối thiểu bằng 60% giá bán đường trước thuế tại kho nhà máy.
- d) Kế hoạch thu mua của công ty được lập và niêm yết giá trước khi vào vụ ép tại các trạm để lấy ý kiến của chủ mía, sau đó chỉnh sửa hoàn thiện để áp dụng.
- e) Vụ 2008/2009 bắt đầu sử dụng phần mềm thu mua mía: bao gồm việc lên kế hoạch và điều hành đồn tự động nhằm giảm sự can thiệp của con người tạo niềm tin cho chủ mía.
- f) Hàng năm đầu tư vốn, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống mía cho chủ mía trồng và chăm sóc mía cây.
- g) Công ty tổ chức mạng lưới khuyến nông là các kiểm soát viên kết hợp với các khuyến nông của địa phương khuyến cáo kỹ thuật canh tác phù hợp với thực tế từng vùng.
 - Tận dụng tối đa nguồn lực sẵn có của người trồng mía như phương tiện cày kéo, nhân công nhằm tăng năng suất, tiết kiệm tối đa chi phí giá thành sản xuất mía nguyên liệu.
 - Cử các cán bộ xuống tận ruộng để hướng dẫn người trồng mía nhất là bà con người đồng bào thiểu số.
 - Thường xuyên theo dõi tình hình sâu bệnh phá hại trên vùng nguyên liệu. Hướng dẫn người trồng mía phòng trừ và tiêu diệt sâu bệnh hại mía.
- h) Thường xuyên hợp tác với các trung tâm giống mía nhằm khảo nghiệm và nhân nhanh các giống mía có năng suất, chất lượng cao.
- i) Hợp tác với Viện cơ điện và công nghệ sau thu hoạch để đưa cơ giới hóa vào canh tác: cho nông dân vay vốn để mua sắm máy trồng, làm cỏ, thu hoạch mía trả nợ trong nhiều năm bằng sản phẩm mía cây.
- j) Hàng năm đầu tư sửa chữa đường nội đồn và hỗ trợ 1 phần sửa chữa đường liên thôn, liên xã.
- k) Thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương để phát triển mở rộng vùng nguyên liệu, bảo vệ và phòng chống cháy, phòng trừ sâu bệnh.

6.5. Chi phí sản xuất

Lợi nhuận là tiêu chí hàng đầu, do đó Công ty luôn chú trọng việc giảm chi phí sản xuất nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Hàng năm công ty thường xuyên lập ra kế hoạch chi phí phát sinh nhằm quản lý tốt chi phí.

Cơ cấu các khoản mục chi phí của Công ty:

DVT: Triệu đồng

T	Yếu tố chi phí	Năm 2007	Năm 2008	09/2009
---	----------------	----------	----------	---------

T		Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu
1	Chi phí NVL	77,728	50%	99,723	54%	73,266	52%
2	Chi phí nhân công	7,253	5%	9,682	5%	6,296	4%
3	Chi phí KH TSCĐ	4,350	3%	12,433	7%	9,086	6%
4	C.phí dịch vụ mua ngoài	4,962	3%	8,852	5%	7,280	5%
5	Chi khác bằng tiền	5,168	3%	2,024	1%	1,016	1%
	Tổng chi phí	99,461	64%	132,714	72%	96,944	69%

6.6. Trình độ công nghệ

6.6.1. Thiết bị đang sử dụng

Sử dụng thiết bị, công nghệ của Trung Quốc đã được cải tiến, nâng cấp trên nền tảng của công nghệ sản xuất đường trắng hiện đại trên thế giới.

6.6.2. Phương pháp sản xuất

Sản xuất đường trắng kết tinh bằng phương pháp sunfic hoá có sử dụng công nghệ lắng nổi Blanco Director là một công nghệ tiên tiến đang được áp dụng rộng rãi trên thế giới hiện nay để lắng nổi mật chèn.

6.6.3. Quy trình sản xuất

a) Mía sau khi qua cân ô tô nhờ cầu trục đưa vào hệ thống bàn lùa, bàn lật, tiếp tục đi vào băng chuyền 1 qua dao chặt sơ bộ đi vào băng chuyền 2 qua hai máy xé sợi. Ở đây mía được xé sợi với độ xé sợi lớn hơn 90%. Tiếp tục đi vào hệ thống máy ép nhờ băng tải cao su nhanh (hệ thống máy ép 4 trục 5 máy). Mía sau khi qua hệ thống máy ép ta thu được nước mía hỗn hợp và bã mía.

b) Bã mía nhờ băng chuyền đưa sang đốt lò hơi, chạy turbine phát điện phục vụ sản xuất đồng thời bán điện lên lưới Quốc Gia.

c) Nước mía hỗn hợp được gia nhiệt sơ bộ nhờ bơm đưa vào thiết bị gia nhiệt đến 65oC rồi đi vào hệ thống sunfic hoá có trung hoà bằng Ca(OH)₂ tự động. Ta thu được nước mía trung hoà và được bơm đi qua thiết bị gia nhiệt đến nhiệt độ 03oC rồi đi vào thiết bị lắng. Nước mía sau khi qua thiết bị lắng ta thu được chèn trong (nước mía trong) và dịch bùn.

d) Dịch bùn đưa vào máy lọc chân không bằng lưới inox ta thu được chèn lọc và bã bùn

e) Bã bùn đưa đi sản xuất phân bón vi sinh BioGro.

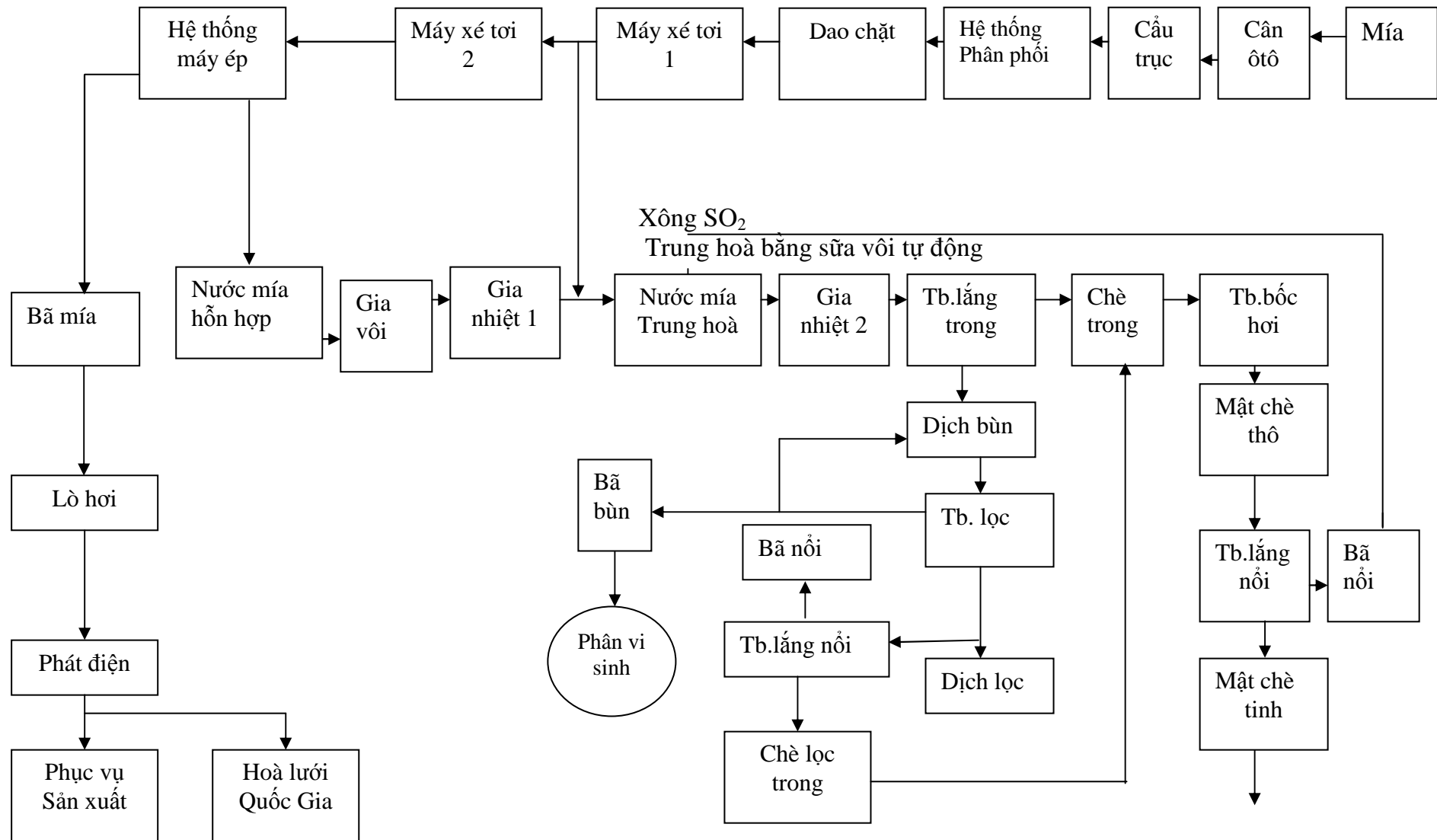
f) Chèn lọc đưa vào thiết bị lắng chèn lọc cho ra nước lọc trong và bã bùn. Nước lọc trong cùng với chèn trong được đưa đi bốc hơi, bã bùn đưa vào thiết bị lọc chân không.

g) Chèn trong cùng với nước lọc trong đưa vào hệ thống bốc hơi áp lực chân không 6 nồi 4 hiệu. Nước mía sau khi qua hệ thống bốc hơi đạt đến độ Bx:~60 gọi là mật chèn thì đưa đến khu luyện đường.

h) Tại khu luyện đường thực hiện chế độ nấu đường 3 hệ A, B, C. Mật chèn được đưa vào các thiết bị nấu gián đoạn để luyện thành đường non A.

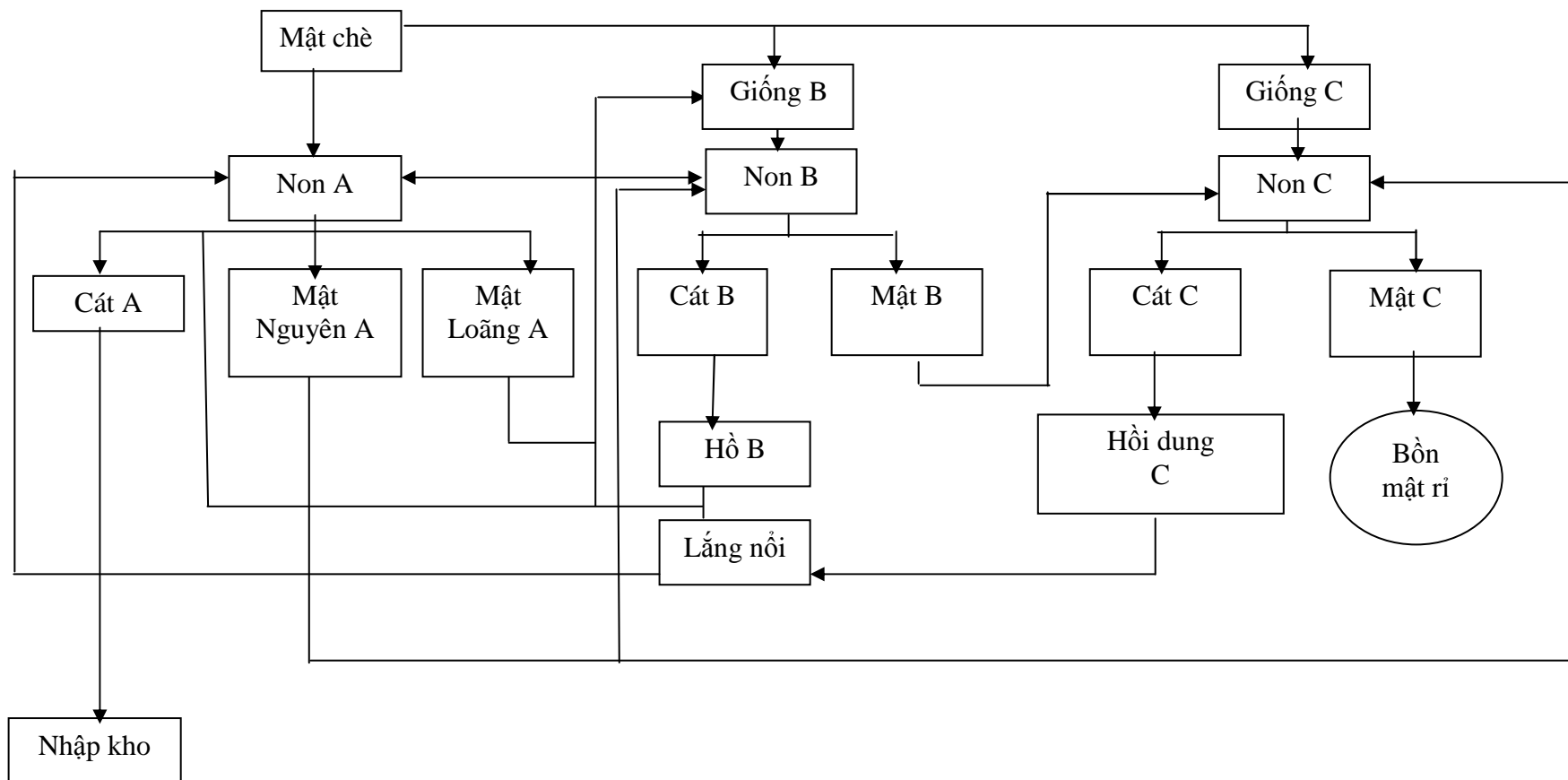
- i) Đường non A đưa vào thiết bị trợ tinh, qua thiết bị ly tâm gián đoạn cho ra đường cát A và mật nguyên A và mật loãng A.
- j) Đường cát A tiếp tục đưa vào thiết bị sấy tầng sôi có gió nóng và cyclon thu hồi. Sau đó vào phễu chứa nhờ băng chuyền cao su, ở đây đường cát A được kiểm tra chất lượng sau khi kiểm tra chất lượng đạt yêu cầu, đường được đưa vào hệ thống cân, đóng bao tự động và nhờ băng chuyền cao su đưa vào kho chứa thành phẩm có đi qua hệ thống phun mã vạch nhận biết và kiểm soát. Đường cát A sau khi kiểm tra nếu không đạt chất lượng nhập kho thì được hoà tan đưa đi nấu lại.
- k) Mật nguyên A và mật loãng A đưa đi nấu đường B ở các nồi nấu gián đoạn và 1 phần được sử dụng nấu giống B,C
- l) Đường non B xả vào thiết bị trợ tinh B thời gian 4 giờ rồi tiếp tục đưa vào thiết bị ly tâm liên tục cho ta đường cát B và mật B.
- m) Đường cát B trộn thêm 1 lượng nước sạch để tạo đường hồ B làm giống cho công đoạn luyện đường A.
- n) Mật B được đưa đi nấu đường non C.
- o) Đường non C sau khi đạt tiêu chuẩn được xả vào thiết bị trợ tinh liên tục dạng đứng sau thời gian 72 giờ được chuyển vào thiết bị ly tâm liên tục cho ta đường cát C và mật C.
- p) Mật C sau khi kiểm tra đưa qua hệ thống cân xác định khối lượng rồi chuyển vào bể chứa mật rỉ.
- q) Đường cát C đem hoà tan bằng nước nóng đến nồng độ 65oBx thì bơm qua lắng nổi mật chèn để đưa đi luyện đường A.

Lưu trình công nghệ : khu xử lý mía, ép mía và xử lý nước mía



Đưa đi luyện đường

Lưu trình công nghệ nấu đường 3 hệ





Nồi nấu đường

6.7. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Để mở rộng thị trường, nâng cao tính cạnh tranh công ty đã đa dạng loại hình kinh doanh tận dụng các phế phẩm từ mía và đường để sản xuất ra các sản phẩm như: phân bón, điện năng bên cạnh đó mở rộng hoạt động dịch vụ vận tải, dịch vụ cho thuê kho bãi...

6.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Hệ thống kiểm tra chất lượng và qui trình kiểm tra chất lượng: Toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Mía đường nhiệt điện Gia Lai được áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn cơ sở tại Công ty.

✚ Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty

Ban năng suất - chất lượng và môi trường chịu trách nhiệm quản lý và triển khai toàn bộ các công tác hoạt động của hệ thống kiểm soát chất lượng. Nhiệm vụ của ban năng suất - chất lượng - môi trường được tóm tắt như sau:

- Hoạch định lập phương án đề xuất và triển khai cải tiến hệ thống. Theo dõi tiến độ thực hiện hệ thống, kiểm tra tổng thể và lập báo cáo kết quả theo từng thời điểm.
- Theo dõi và phân tích các kết quả của tiến trình thực hiện hệ thống. Đưa ra các các hoạt động khắc phục, phòng ngừa và cải tiến thường xuyên.
- Kiểm soát, cập nhật và ban hành tài liệu
- Chủ trì và phối hợp với các hoạt động: Đánh giá nội bộ, đánh giá nhà cung ứng và các hoạt động khắc phục phòng ngừa, xử lý sản phẩm không phù hợp, những ý kiến phản hồi của khách hàng.
- Tham gia theo dõi các hoạt động mua hàng, lưu kho và bán hàng.

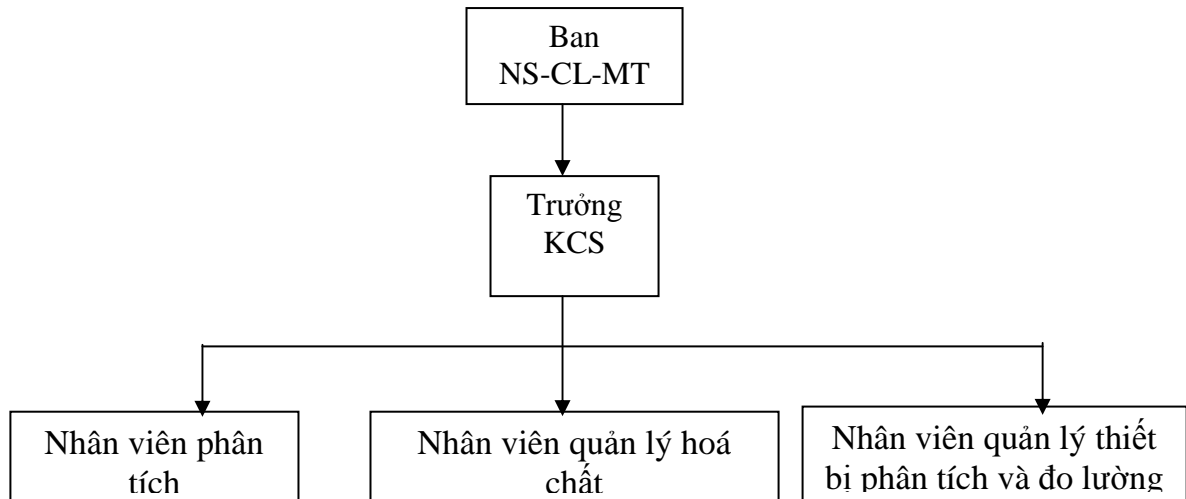
f) Phối hợp với phòng kinh doanh thu thập thông tin phản hồi phân tích, đánh giá và đưa ra những chính sách nhằm thỏa mãn những nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm và dịch vụ của Công ty.

g) Kiểm soát các hoạt động sản xuất, thử nghiệm và kiểm tra các hoạt động đó.

h) Bổ sung, kiểm tra toàn bộ quy trình cho phù hợp với tình hình thực tế.

Bộ phận KCS trực tiếp phân tích kiểm tra các công đoạn sản xuất từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm. Dưới sự điều hành, theo dõi và kiểm tra của Ban năng suất - chất lượng và môi trường của Công ty.

Sơ đồ hệ thống kiểm tra tại phòng KCS



Trưởng KCS

a) Quản lý, theo dõi, kiểm tra toàn bộ các hoạt động thuộc phạm vi quản lý.

b) Lập báo cáo đánh giá các hoạt động tại phòng KCS công ty đến với Ban năng suất - chất lượng và môi trường.

c) Tổng hợp, phân tích các kết quả hoạt động của phòng KCS đề xuất các phương án đào tạo, trang bị và kiểm định các phương tiện phân tích, đo lường, sử dụng hoá chất một cách phù hợp.

d) Bổ sung phương pháp, qui trình phân tích hiện đại nhằm nhanh chóng phát hiện những sản phẩm không phù hợp để kịp thời đưa ra phương án khắc phục, phòng ngừa.

e) Phối hợp với Ban năng suất - chất lượng và môi trường đánh giá toàn bộ các hoạt động về công tác quản lý chất lượng tại Công ty.

f) Thực hiện báo cáo kết quả hoạt động sản xuất của nhà máy mỗi ngày.

Nhân viên phân tích

a) Phân tích toàn bộ các công đoạn sản xuất từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm theo sơ đồ các công đoạn cần kiểm soát. Thực hiện công tác

b) Lấy mẫu, xử lý mẫu, phân tích và báo cáo kết quả .

c) Thực hiện việc lập phiếu báo cáo đối với những sản phẩm không phù hợp. Cập nhật và theo dõi quá trình xử lý các sản phẩm không phù hợp đó.

Nhân viên quản lý hoá chất

a) Quản lý toàn bộ hoá chất được sử dụng tại Công ty

b) Theo dõi, phân tích và kiểm tra quá trình sử dụng hoá chất; Lập báo cáo đánh giá toàn bộ các hiện tượng tốt, xấu xảy ra trong quá trình sử dụng.

c) Pha, kiểm tra hoá chất phục vụ phân tích tại phòng KCS.

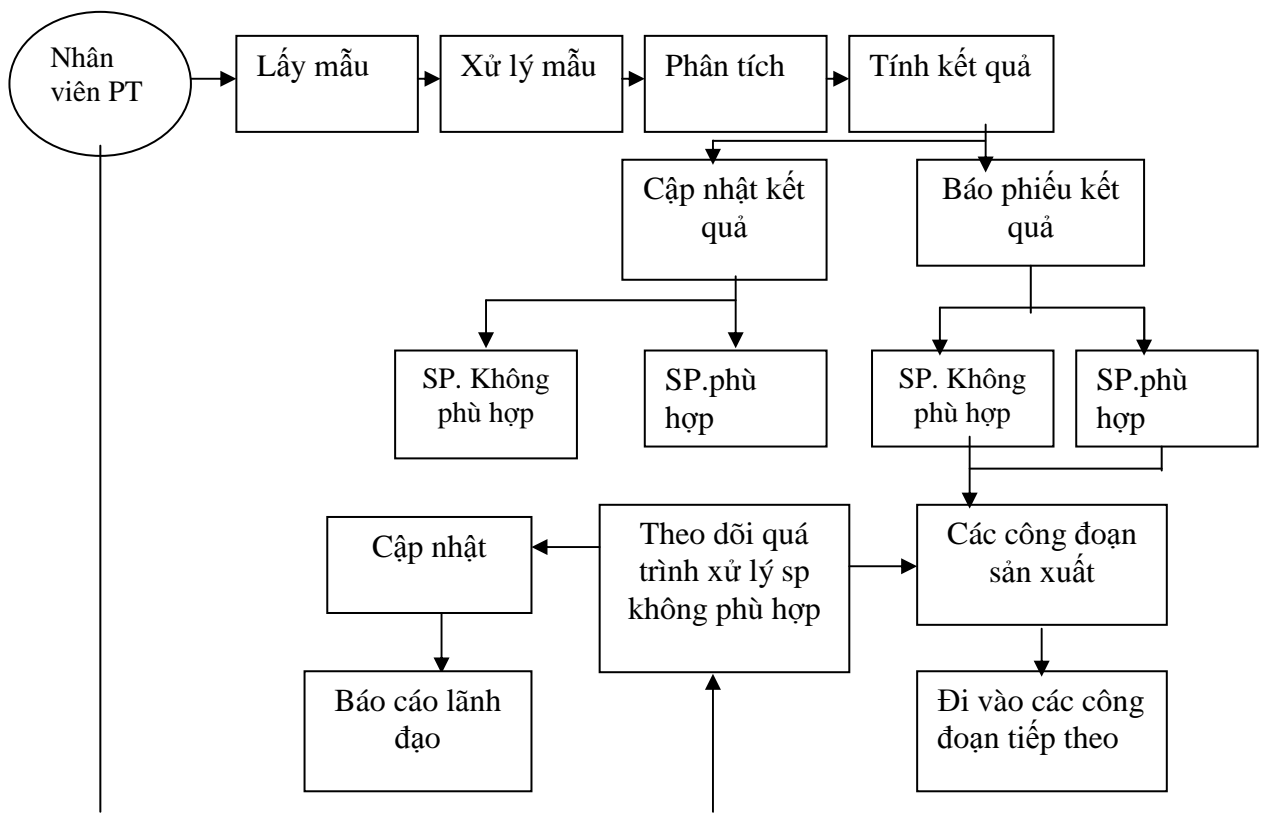
✚ Nhân viên quản lý các thiết bị phân tích và đo lường:

a) Theo dõi sự hoạt động toàn bộ các thiết bị phân tích và đo lường tại công ty và lập báo cáo về quá trình hoạt động của từng thiết bị và công cụ phân tích đo lường. Đưa ra đề xuất trang bị và sử dụng phù hợp.

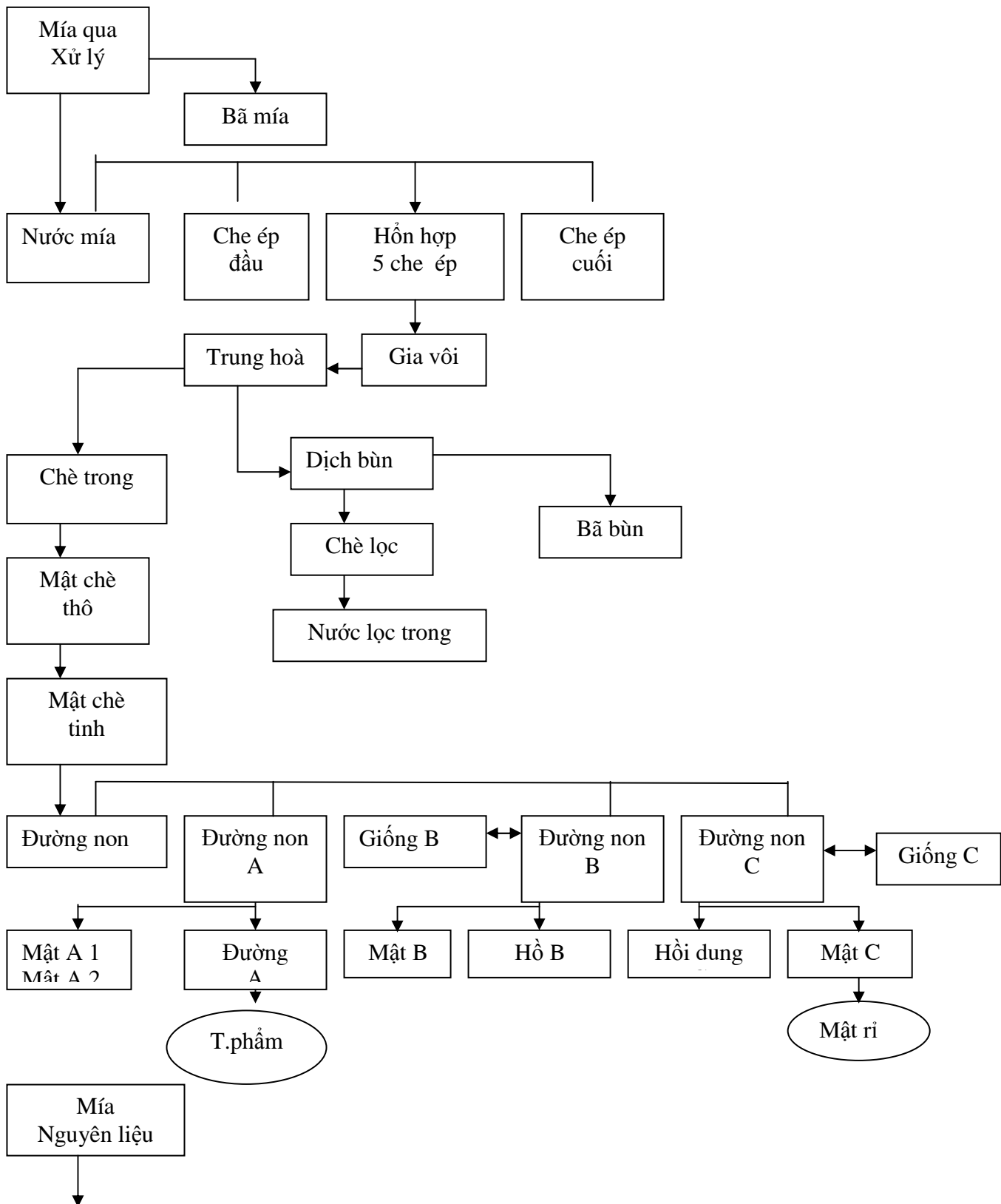
b) Chịu trách nhiệm thực hiện công việc kiểm định theo định kỳ toàn bộ các thiết bị phân tích và đo lường .

c) Cập nhật các kết quả kiểm định , đề xuất thay thế hoặc sửa chữa.

✚ Quy trình kiểm tra



Sơ đồ các công đoạn cần kiểm tra



Qui định các hạng mục kiểm tra (Thực hiện tại phòng KCS)

STT	Các hạng mục kiểm tra	Các chỉ tiêu phân tích	Chế độ kiểm tra	Chỉ tiêu công nghệ
I	Mía nguyên liệu			
1	Ktra hàm lượng đường trong mía	Pol mía	Lần/tuần	>10
2	K.tra hàm lượng xơ % mía	Xơ% mía	Lần/tuần	-
3	Kiểm tra % tạp chất	TC % mía	Lần/xe	< 5%
II	Mía qua xử lý			
1	K.tra độ xé tơi của mía	% độ mở tế bào	Lần/ca	>90%
III	Nước mía			
1	Nước mía che ép đầu	Bx, Pol, AP	2h/lần	
2	Nước mía che ép cuối	Bx, Pol, AP	2h/lần	Bx < 3
3	Nước mía hỗn hợp 5 che ép	Bx, Pol, AP, pH, GP,	2h/lần	Bx: từ 13-15
		P2O5, Rs, Chất huyền phù	Lần/ca	
4	Nước mía gia vôi	pH	Liên tục	6.8
5	Nước mía gia nhiệt 1	Nhiệt độ(oC)	Liên tục	65
6	Nước mía trung hoà	Cường độ SO2, pH	1h/lần	12-14
7	Nước mía gia nhiệt 2	Nhiệt độ(oC)	Liên tục	101-103
8	Nước mía trong	Bx,Pol,AP,pH, độ màu, độ đục	1h/lần	Độ màu: <100oSt pH: 6.9-7.1 Độ đục < 1
9	Dịch bùn	Nồng độ % bùn	Lần/ca	> 6 % (chất khô)
10	Bã bùn	Pol,	2h/lần	< 2
		Độ ẩm	4h/lần	< 75%
11	Nước mía lọc trong	Bx,Pol,AP,pH, độ màu, độ đục, SO2	1h/lần	Độ màu < 100oSt Độ đục < 1
12	Mật chèn thô	Bx,Pol,AP,pH, Rs	2h/lần	Bx : 60-65
13	Mật chèn tinh	Bx,Pol,AP,pH, độ màu Độ đục	1h/lần	Bx : 60-65 Màu : < 100oSt pH : 6.2-6.4 Độ đục: < 0.5
14	Đường non A	Bx,Pol,AP	Lần/nôi	Bx : 93 -95 AP : > 80
15	Đường non B	Bx,Pol,AP	Lần/nôi	Bx : 95-97 AP : 68-70
16	Đường non C	Bx,Pol,AP	Lần/nôi	Bx : 97-100 AP : 54-58
17	Mật A 1	Bx,Pol,AP	Lần/nôi	Bx:80-82 AP: 62-63

18	Mật A2	Bx,Pol,AP	Lần/nồi	Bx:78-80 AP: 72-73
19	Mật B	Bx,Pol,AP	Lần/nồi	Bx: 80-85
20	Mật C	Bx,Pol,AP ,Rs, đường tổng	Lần/nồi	Bx:85 – 90 AP < 30
21	Hồ đường B	Bx,Pol,AP độ màu	Lần/nồi	Bx : 87-90 AP: 92-95 Màu :< 30oSt
22	Hồi dung C	Bx,Pol,AP độ màu	2h/lần	Bx :65-70 AP > 80 Màu < 120 oSt
23	Đường thành phẩm	% sacaroza	Lần/nồi	> 97
		% Rs		< 0,1
		Tạp chất không tan		< 40mg/kg
		Độ màu		< 120 oIU
		Độ đục		< 0.1
		Độ ẩm(% W)		< 0.06
		SO2 (mg/kg)		< 20
Tro dẫn điện (% W)		< 0.07		

6.9. Hoạt động Marketing

Tập trung xây dựng và phát triển thị trường: Đánh giá được vai trò của thương hiệu của sản phẩm trong kinh doanh, Công ty đã tiến hành đầu tư xây dựng thương hiệu cho riêng mình. Thường xuyên làm công tác quảng cáo sản phẩm thông qua các hội chợ và tiếp thị thương hiệu, sản phẩm đến với người tiêu dùng. Xây dựng và phát triển hệ thống các nhà phân phối....mang thương hiệu SEC đã được người tiêu dùng tín nhiệm.

6.10. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Biểu tượng LOGO của công ty



6.11. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Đvt: 1000đồng

STT	NỘI DUNG	ĐỐI TÁC	GIÁ TRỊ
01	HỢP ĐỒNG MUA VẬT TƯ		
1.1	Hợp đồng số : 21/07	Cty TNHH Tấn Đạt- TP.HCM	419,364
1.2	Hợp đồng số: 20/HĐMB	Cty TNHH Thiên Chính- Hà Nội	1,109,500
1.3	Hợp đồng số:15/HĐMB	Cty TNHH Thiên Chính- Hà Nội	330,200
1.4	Hợp đồng số:29-12/PD	Cty TB PT Phương Duyên- HN	162.027
1.5	Hợp đồng số	Cty TNHH Hùng Long- Quy Nhơn	293,049
02	HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÓA CHẤT		
2.1	Hợp đồng số 49-08	Cty TMDV&SX T.T.C- Nha Trang	1,903,020

2.2	Hợp đồng số 02/TH	CTCP TM Tiến Hưng- TP.HCM	673,478
2.3	Phụ lục Hợp đồng 01/TH	CTCP TM Tiến Hưng- TP.HCM	121,000
2.4	Phụ lục Hợp đồng 02/TH	CTCP TM Tiến Hưng- TP.HCM	234,960
2.5	Hợp đồng số :60/HĐ	DNTN Hùng Long- Bình Định	135,000

6.12. Hệ thống phân phối SP của Công ty

- Công ty CP thực phẩm công nghệ Sài Gòn
- Công ty CP SXTM Thành Thành Công
- Công ty TNHH Kim Hà
- Trung tâm Thương mại Sài Gòn
- Công ty CP Lương thực Thực phẩm Miền Nam
- Công ty TNHH Dung Bằng - Quảng Ngãi
- Công ty Lương thực Bình Định (Cửa hàng nông sản Quy Nhơn)
- Và nhiều công ty, cơ sở kinh doanh khác trong khu vực Miền trung tây nguyên.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2007 và 2008

7.1. Tóm tắt chỉ tiêu về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2007, 2008 và 09 tháng đầu năm 2009:

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	09/2009
Tổng giá trị tài sản	146,119,673,568	163,275,577,148	194,452,408,796
Doanh thu thuần	154,733,776,334	185,344,785,337	171,856,813,441
Lợi nhuận từ HĐKD	19,986,124,770	42,979,045,267	39,219,055,741
Lợi nhuận khác	18,077,491	1,073,126,392	(106,153,084)
Lợi nhuận trước thuế	20,004,202,261	44,052,171,659	39,112,902,657
Lợi nhuận sau thuế	18,727,612,070	42,004,656,554	36,302,052,961
Cổ tức/mệnh giá cp	12%	27%	

Ghi chú: Lợi nhuận sau thuế năm 2008 tăng hơn so với năm 2007: Do giá bán đường năm 2008 cao hơn năm 2007 trong khi chi phí tài chính năm 2008 thấp hơn năm 2007. Cổ tức năm 2007 thấp hơn năm 2008 vì công ty mới chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần từ tháng 8/2007.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất

Sau khi Cổ phần hóa, Công ty có nguồn vốn kinh doanh khá ổn định, do đó không phải chịu chi phí lãi vay, tránh được áp lực trả nợ, tránh được những khó khăn khi ngân hàng hạn chế cho vay. Đây là một trong những yếu tố ảnh hưởng nghiêm trọng đến các doanh nghiệp khác mà Công ty có thể tránh khỏi.

Nhờ sự nỗ lực chủ quan, năng động, sáng tạo của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, sự phấn đấu không ngừng của tập thể CBCNV cùng với yếu tố khách quan của thị trường góp phần nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty.

Tuy nhiên cũng như các doanh nghiệp khác trong ngành sản xuất đường từ mía và sản xuất điện năng công ty cũng chịu nhiều tác động làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh như là mía cây nguyên liệu đầu vào, chi phí nhân công trực tiếp, giá đường trên thị trường và giá bán điện.

+ Về sản phẩm đường:

Biến động về giá đường thế giới: Giá đường là một trong những yếu tố quyết định đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty, diện tích vùng nguyên liệu - ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định của người trồng mía trong tình hình biến động về giá đường.

Từ năm 2008 đến nay giá đường tăng mạnh so với những năm trước đã đem lại lợi nhuận cho Công ty và người trồng mía, thúc đẩy việc mở rộng diện tích vùng nguyên liệu. Tuy nhiên thực tế sự biến động của giá đường thế giới là rủi ro đối với các Doanh nghiệp sản xuất đường.

Thời tiết cũng là yếu tố ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng mía trồng: Thời tiết nắng nóng kéo dài hoặc ngược lại lượng mưa lớn, kéo dài quá mức ảnh hưởng đến sản lượng và hàm lượng đường trong cây mía, làm giảm doanh thu, tăng chi phí cho công ty và người trồng mía.

Hóa chất, phụ gia và nhân công trực tiếp cũng ảnh hưởng đến giá thành sản xuất tuy nhiên mức độ ảnh hưởng không nhiều.

+ Điện năng:

Trong những năm tới doanh thu về điện năng góp phần đáng kể trong cơ cấu doanh thu của Công ty (dự án nâng công suất nhà máy đồng phát điện với công suất 12 MW đi vào hoạt động từ Q1/2010). Sản phẩm điện năng của Công ty trong những năm tới chịu tác động của hai yếu tố chính đó là thời gian chạy máy trong năm nhưng yếu tố này lại phụ thuộc vào sản lượng mía nguyên liệu trong năm sản xuất. Yếu tố thứ hai đó là đầu ra và giá bán điện, Công ty đang tiến tiến hành thỏa thuận đấu nối và giá bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam, do vậy giá điện sẽ ổn định và có xu hướng tăng theo giá thị trường góp phần đem lại lợi nhuận cho công ty nhiều hơn.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

8.1. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành

Công ty cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai là một trong những doanh nghiệp cung cấp sản lượng đường lớn và ổn định ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên nhờ vào vị trí địa lý và điều kiện thổ nhưỡng phù hợp cho ngành sản xuất đường mà không phải nhà máy đường nào cũng có được.

Lợi thế lớn nhất giữa Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai với các nhà máy sản xuất đường khác là vùng nguyên liệu ổn định với cự ly vận chuyển bình quân chỉ 22 km.

Ngoài ra công ty có đội ngũ Cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề, với kinh nghiệm nhiều năm trong ngành sản xuất đường, có nhiều sáng kiến kỹ thuật tiết kiệm được chi phí, hiệu quả sản xuất tốt.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Đường là một trong những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống, do đó dù nền kinh tế có suy giảm thì nhu cầu sử dụng đường cũng không bị ảnh hưởng nhiều. Do đó, độ rủi ro

của ngành đường không cao. Theo thống kê, nhu cầu sử dụng đường của người Việt Nam là 15kg/năm với dân số cả nước hiện nay thì nhu cầu về đường cầu là 1.3 triệu tấn đến 1.4 triệu tấn, nguồn cung từ các nhà máy đường trong cả nước mỗi năm khoảng 1.2 triệu tấn đường. Do đó, việc nhập khẩu đường là điều tất yếu.

Theo báo cáo của ngân hàng đầu tư Merrill Lynch, giá đường sẽ tăng khoảng 20% trước tháng 10 năm 2009, trong báo cáo đưa ra cho thấy sự can thiệp của chính phủ sẽ không giúp được nhiều trong việc kiểm soát giá đường vì giá đường nội địa thấp hơn giá nước ngoài. Giá đường tăng sẽ giúp bà con nông dân trồng mía có đời sống tốt hơn và nhà máy đường lợi nhuận cao hơn.

Đường được đưa vào danh mục hàng nông sản nhạy cảm và được bảo hộ bằng nhiều chính sách, trong đó có chính sách thuế quan và phi thuế quan. Ngành mía đường với các chương trình mía đường là một trong những khởi điểm của chương trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Ở nước ta, ngoài giải pháp bảo hộ bằng thuế suất cao (30-40%), Chính phủ vẫn còn áp dụng giấy phép nhập khẩu đường. Tuy nhiên, theo lộ trình AFTA, thuế nhập khẩu đường sẽ giảm xuống còn 5%.

Ngành sản xuất đường là ngành được nhiều chính phủ bảo trợ kể cả các nước phát triển, tuy nhiên theo lộ trình ngành đường của các nước trong khối EU (các nước bảo hộ trị giá gấp 2 lần giá thành sản xuất tại Việt Nam) sẽ bỏ trợ giá, điều này tạo điều kiện cạnh tranh công bằng giữa các doanh nghiệp sản xuất đường.

Với điều kiện về tự nhiên, đất đai và nguồn lao động thuận lợi, Việt Nam có nhiều thuận lợi trong việc quy hoạch và phát triển các vùng nguyên liệu mía đảm bảo cung ứng đầy đủ, có hiệu quả cho nhà máy đường.

Một số nước cung cấp đường lớn trên thế giới như Brazil, Colombia, Mỹ... sẽ thực hiện chương trình năng lượng sạch trong đó có ethanol được sản xuất từ nước mía. Việc sử dụng nước mía vào sản xuất ethanol bổ sung nhiên liệu sẽ tiếp tục có tác động lớn đến quan hệ cung - cầu về đường trên thế giới. Do vậy, ngành đường có nhiều thuận lợi trong tương lai.

8.3. Đánh giá về định hướng phát triển chung của công ty với định hướng của ngành, chính sách chung của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

Diện tích trồng mía cả nước trong những niên vụ gần đây bình quân đạt 310.000 ha với năng suất trung bình 54,8 tấn/ha nên sản lượng thu được khoảng 17 triệu tấn mía nguyên liệu. Sản lượng đường thu được trong niên vụ sản xuất 2006 - 2007 là 1.2 triệu tấn. Hiện nay Việt Nam có 37 nhà máy chế biến đường từ mía với tổng công suất thiết kế 75.850 tấn mía cây/ngày trong đó 6 nhà máy nước ngoài có công suất 27.000 tấn mía cây/ngày, 31 nhà máy có vốn đầu tư trong nước có công suất thiết kế ban đầu 48.850 tấn mía/ngày, bình quân mỗi nhà máy đường của Việt Nam có công suất thiết kế chỉ 1.575 tấn mía/ ngày.

• Định hướng của ngành và chính sách của nhà nước:

Cũng như nhiều nước sản xuất đường khác, Việt Nam đã áp dụng nhiều chính sách để phát triển ngành đường trong nước. Với chương trình 01 triệu tấn đường vào năm 2000, Việt Nam đã đầu tư hàng ngàn tỷ đồng để xây dựng hàng loạt các nhà máy đường. Bức tường hàng rào thuế quan và hạn ngạch nhập khẩu cũng được dựng lên. Hiện nay Việt Nam đang áp dụng thuế nhập khẩu đường tinh luyện là 60% và đường thô là 25%, hạn ngạch nhập khẩu năm 2007 là 55.000 tấn và năm 2008 là 58.000 tấn (số liệu từ Bộ Công thương).

Để có thể phát triển ngành mía đường, cần phải có chính sách để phát triển vùng nguyên liệu. Hiện nay, các vùng nguyên liệu năng suất chưa cao, chưa đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng trong nước, vùng nguyên liệu cần phải tập trung, đầu tư tương xứng với yêu cầu sản xuất. Do tình hình trồng mía không có lãi, nông dân chuyển qua trồng các loại cây khác, gây ra tình trạng thiếu nguyên liệu sản xuất trầm trọng.

Thủ tướng chính phủ cũng ra quyết định về việc tiêu thụ nông sản qua hợp đồng. Quyết định này đã gắn kết người nông dân trồng mía với nhà máy, góp phần ổn định và phát triển vùng nguyên liệu mía đường. Chính phủ cũng đề ra các biện pháp chỉ đạo các địa phương xây dựng vùng nguyên liệu tập trung, thực hiện các giải pháp đồng bộ về quy hoạch, giống kỹ thuật thâm canh, đầu tư cơ sở kỹ thuật hạ tầng, áp dụng cơ giới hóa, để nâng cao năng suất, chất lượng mía. Đầu tư chiều sâu, mở rộng công suất nhà máy đường hiện có, nâng cao hiệu suất thu hồi và chất lượng sản phẩm, giảm chi phí chế biến, tăng năng lực cạnh tranh.

• Xu thế chung của ngành đường thế giới:

Trong bối cảnh chung của ngành đường thế giới và trong nước đang trong xu thế có lợi:

Đến nay, các nước có sản lượng sản xuất và xuất khẩu đường đứng đầu thế giới như: Brazil, Ấn Độ, Úc, Thái Lan...đều đã bước vào thực hiện cắt giảm hỗ trợ xuất khẩu cho ngành đường. Như vậy, ngành đường thế giới sẽ tiến tới có sân chơi chung áp dụng cùng luật chơi, sẽ tồn tại và phát triển theo các qui luật kinh tế. Đến nay, ngoài việc sử dụng đường với các hình thức tiêu thụ truyền thống, ngành mía đường bước vào phát triển sản xuất Ethanol từ cây mía. Điều này đã giúp gia tăng sức tiêu thụ đường, tạo thuận lợi cho gia tăng sản xuất nhưng nhìn chung thì tình hình cung cầu trên thị trường thế giới vừa qua tương đối ổn định, cung luôn luôn tăng hơn cầu tuy nhiên số lượng không nhiều.

Đối với các nước EU, ngành đường sẽ không còn trợ cấp bằng cách từng bước giảm hỗ trợ giá trong việc trồng củ cải đường. Diện tích trồng củ cải đường ở Châu Âu dự kiến sẽ giảm.

• Định hướng phát triển của Công ty:

Nhìn chung định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với tình hình chung trong nước và trên toàn thế giới. Sản lượng công ty sản xuất luôn đảm bảo cho nhu cầu tiêu dùng của thị trường khu vực. Nhờ có được kế hoạch thu mua mía hợp lý, hạn chế rủi ro nhưng vẫn đảm bảo ổn định đầu vào làm cho giá mía không bị ảnh hưởng nhiều khi thị trường đường biến động trong nước và trên thế giới.

Không chỉ đối với Công ty cổ phần Mía đường Gia Lai mà hầu như phần lớn các công ty sản xuất đường hiện nay đều phải đối mặt với tình trạng đường nhập khẩu lậu qua Việt Nam. Theo thống kê thì chi phí sản xuất 01 kg đường của Việt Nam cao gấp 88% so với Thái Lan và 122% so với Brazil. Do đó công ty luôn đưa ra những kế hoạch để giảm thiểu chi phí đầu vào của công ty nhằm giảm giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Ngoài ra cũng theo thống kê, ngoài các nhà máy đường được đầu tư tại Việt Nam, phần lớn các nhà máy đều sử dụng các thiết bị lỗi thời, năng suất thấp được nhập khẩu từ Trung Quốc. Nhận thấy được vai trò của công nghệ và công suất nhà máy ảnh hưởng rất lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh, Công ty đang thực hiện nâng cấp hệ thống máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng suất từ 1.500tấn mía cây/ngày lên 2.500tấn mía cây/ngày, dự kiến tháng 02/2010 đưa vào sản xuất.

Khái quát về dự án:

a. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng mở rộng công suất nhà máy từ 1500 TMN lên 2500 TMN và đồng phát điện công suất 12MW.

b. Mục tiêu của dự án: Đa dạng hoá hoạt động sản xuất kinh doanh, tận dụng triệt để sản phẩm sau đường, nâng cao vị thế công ty trong ngành sản xuất đường, nâng cao hiệu quả hoạt động của nhà máy, mở rộng diện tích vùng nguyên liệu tương xứng với tiềm năng của địa phương, tăng doanh thu và giải quyết việc làm, đảm bảo thu nhập cho người lao động trong và ngoài công ty.

c. Cơ sở pháp lý của dự án:

Công văn số 1462/UBND-TH ngày 21/5/2009 của UBND tỉnh Gia Lai v/v chủ trương nâng công suất nhà máy mía đường AyunPa.

Công văn số 2628/EVN/KH ngày 25/6/2009 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam v/v gia hạn chấp thuận mua điện của Dự án NMNĐ bã mía Ayunpa.

Công văn số 1918/ĐL3-4 ngày 08/5/2009 của Công ty Điện lực 3 về việc thỏa thuận phương án đầu nối nhà máy nhiệt điện bã mía Ayunpa.

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất ngày 10/09/2007 của Công ty CP Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai, trong đó nội dung thống nhất phương án đầu tư nâng công suất từ 1500 TMN/ngày lên 2500 TMN/ngày và nâng công suất lò hơi nhiệt điện

d. Tổng mức đầu tư: 232,750,085,000đồng

Trong đó:

. Xây lắp: 10,326,900,000 đồng

. Thiết bị: 188,881,000,000 đồng

. Kiến thiết cơ bản khác: 33,542,185,000 đồng

e. Nguồn vốn đầu tư: 232,750,085,000 đồng

Trong đó:

.Vốn tự có (30%): 67,788,756,000 đồng

.Vốn vay Ngân hàng thương mại (70%):158,173,764,000 đồng

(Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín tài trợ vốn đầu tư theo hợp đồng số 610/2009)

f. Tiến độ thực hiện: 08 tháng

. Khởi công: Tháng 06/2009. Hoàn thành: Tháng 02/2010

Để mở rộng vùng nguyên liệu và tăng doanh thu từ việc sản xuất điện năng, công ty đã chủ động đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, tổ chức lựa chọn nhà thầu và thực hiện thi công các hạng mục công trình đảm bảo thời hạn đưa vào khai thác sử dụng trong quý 1/2010.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Cơ cấu lao động

Tổng số lao động của công ty tính đến thời điểm 30/9/2009 là 243 người (trong đó CBCNV thường xuyên là 231 người, thời vụ là 12 người). Cơ cấu lao động phân theo trình độ như sau:

Phân theo trình độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
--------------------	----------	-----------

Cán bộ có trình độ đại học và cao đẳng	30	12.35
Cán bộ có trình độ trung cấp	14	5.76
Công nhân kỹ thuật	177	72.84
Chưa qua đào tạo	10	4.11
Lao động thời vụ	12	4.94
Tổng cộng:	243	100

9.2. Chính sách đối với người lao động

- Đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động ngày càng được cải thiện.
- Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người lao động theo đúng quy định của pháp luật.
- Có chính sách khen thưởng kịp thời đối với tập thể và cá nhân có công lao đóng góp cho Công ty, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín Công ty.
- Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia các khóa đào tạo nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ.
- Đào tạo và sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển Công ty nhằm gia tăng về chất.
- Chính sách đào tạo nguồn nhân lực.

10. Chính sách cổ tức:

Căn cứ theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp. Cổ tức sẽ được chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không vượt quá mức do Đại hội đồng đề xuất sau khi tham khảo ý kiến của Đại hội đồng cổ đông
- Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, Hội đồng quản trị đề xuất tỷ lệ cổ tức phù hợp trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo quý hoặc 6 tháng nhưng không vượt quá mức số cổ tức dự kiến. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hay từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (cổ phiếu, trái phiếu đã thanh toán hết tiền do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

Trong năm 2007, Công ty đã chi trả cổ tức với tỷ lệ là 12% (12.000đồng/cp)

Năm 2008, mức chi trả cổ tức bằng tiền là 27% (2.700đồng/cp)

11. Tình hình hoạt động tài chính:

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

• Trích khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và khấu hao lũy kế

- ✓ Nguyên giá tài sản cố định được phản ánh theo giá thực tế
- ✓ Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với quyết định số 206/2003QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ tài chính

Tài sản	Tỷ lệ khấu hao năm (%)
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 – 20
Nhà cửa vật kiến trúc	2 – 20
Máy móc thiết bị	10 – 12,5

- Mức lương bình quân:

Mức lương bình quân của người lao động trong công ty năm 2008 là 2.500.000 đ/người/tháng

- Thanh toán các khoản nợ đến hạn: không có
- Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản theo quy định của Nhà nước.

- Trích lập các quỹ theo luật định:

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là Công ty cổ phần và theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Cụ thể như sau:

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	LN sau thuế (%)
Quỹ đầu tư phát triển	-	1,606,226,377	4.05%
Quỹ dự phòng tài chính	-	1,981,255,598	5.00%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	1,981,255,598	5.00%

- Tổng dư nợ vay:

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	09/2009
Vay ngắn hạn	-	5.000.000.000	24,011,352,500
Vay dài hạn	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-

- Tình hình công nợ hiện nay:

Các khoản phải thu:

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	09/ 2009
Phải thu khách hàng	42,000,000	545,000	17,765,000
Trả trước cho người bán	102,205,816	7,961,638,157	29,477329,000

Phải thu khác	661,294,287	794,278,105	514,239,970
---------------	-------------	-------------	-------------

Các khoản phải trả:

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	09/2009
Phải trả cho người bán	7,267,462,645	6,629,550,397	1,017,093,088
Người mua trả tiền trước	4,168,261,890	201,167,249	436,227,277
Phải trả công nhân viên	459,419,501	1,179,519,439	630,986,667
Thuế, các khoản phải nộp NN	13,654,783	102,482,354	2,752,179,993
Các khoản phải trả khác	293,456,262	281,374,281	76,884,532

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	09 /2009
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	4.15	4.95	19.24
+ Hệ số thanh toán nhanh	2.12	2.65	9.91
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0.087	0.085	0,147
+ Hệ số nợ/ Vốn CSH	0.095	0.093	0.173
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	5.01	4.37	24.77
+ D.thu thuần/ Tổng tài sản	1.06	1.14	0.88
4. Khả năng sinh lời			
+ Lợi nhuận sau thuế/DT thuần	0.12	0.22	0.21
+ Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	0.14	0.28	0.22
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.13	0.26	0.19
+ Lợi nhuận từ HĐKD/DT thuần	0.13	0.23	0.23

12. Hội đồng quản trị, ban giám đốc, ban kiểm soát, kế toán trưởng

• Chủ tịch hội đồng quản trị

Họ tên: Tân Xuân Hiến

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 04/07/1961

Số CMND: 230558115

Ngày cấp: 14/8/2000

Nơi cấp: Công an tỉnh Gia Lai

Nơi sinh: Tuy Hoà, Phú Yên

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tây Sơn, Bình Định
Địa chỉ thường trú: 02 Nguyễn Đường, TP.Pleiku
Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 059.3823 606
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện – Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Từ năm 1984 đến năm 1987: Công tác tại Ban quản lý Thủy điện IaĐrăng II - Gia Lai. Năm 1984 đến năm 1986 làm việc tại phòng kỹ thuật, năm 1987 là quyền Trưởng phòng kỹ thuật.

Từ năm 1989 đến năm 1992 công tác tại Công ty Thủy điện Gia lai - Kon Tum là Đội trưởng đội thiết kế - Xây dựng - Quản lý.

Từ năm 1992 đến năm 1998 là Phó giám đốc Công ty Điện Gia Lai

Từ năm 1998 đến nay là Giám đốc Công ty Điện Gia Lai.

Năm 2007 đến nay được bầu là Chủ tịch HĐQT Cty CP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai

Chức vụ hiện nay tại công ty: Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai

Chức vụ hiện tại tại công ty khác: Giám đốc công ty Điện Gia Lai. Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện Tây Nguyên

Số cổ phần nắm giữ: 6.662.692 Cổ phần.

Trong đó:

. Số cổ phần đại diện nhà nước: 6.592.692 cổ phần

. Số cổ phần nắm giữ: 70.000 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Những người có liên quan nắm giữ cổ phần SEC: Không

• Ủy viên hội đồng quản trị:

Họ tên: Nguyễn Ngọc Ánh

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 02/02/1961

Số CMND: 230 026 262

Nơi cấp: Công an tỉnh Gia Lai

Ngày cấp: 25/07/1997

Nơi sinh: Nhơn Mỹ, An Nhơn, Bình Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Nhơn Mỹ, An Nhơn, Bình Định

Địa chỉ thường trú: 367 Trường Chinh, P Trà Bá, TP.Pleiku

Số điện thoại liên lạc: 593 657 245

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí – Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Từ năm 1985 đến năm 1987: CB phòng kỹ thuật nhà máy cơ khí thống nhất Đaklak

Từ năm 1987 đến năm 1995: Phụ trách kỹ thuật xí nghiệp cơ khí 17/3, TP. pleiku

Từ năm 1995 đến năm 1997: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Mía đường Gia Lai

Từ năm 1997 đến năm 2000: Giám đốc nhà máy - Công ty TNHH Mía đường Bourbon Gia Lai

Từ năm 2000 đến năm 2007: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Mía đường Bourbon Gia Lai

Từ năm 2007 đến năm 2009: Giám đốc Công ty CP Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Cty

Số cổ phần nắm giữ: 15.000 Cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Những người có liên quan: (họ tên, số cổ phần nắm giữ).

- Vợ: Nguyễn Thị Hiếu Thảo: 20.000 Cp

- Con: Nguyễn Thị Hiếu Thương: 10.000Cp

• Ủy viên hội đồng quản trị:

Họ tên: Nguyễn Văn Lùng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/10/1958

Nơi sinh: Thanh Miện – Hải Dương

Số CMND: 230 195 594

Nơi cấp: Công an tỉnh Gia Lai

Ngày cấp: 24/09/2003

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thanh Miện - Hải Dương

Địa chỉ thường trú: 25 Tôn Thất Thuyết, P Thống Nhất, TP Pleiku

Số điện thoại cơ quan: 0593 657 264

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Đại học quản lý kinh tế Công nghiệp, Cử nhân luật

Quá trình công tác:

Từ năm 1978 đến năm 1986: Kế toán - Khách sạn Gia Lai

Từ năm 1987 đến năm 1992: Trưởng phòng Nhân sự nhà máy chế biến mỳ Việt- Thái - An Khê

Từ tháng 09/1995 đến tháng 7/2007: Giám đốc Nông nghiệp - Công tác tại công ty Mía đường Bourbon Gia Lai.

Chức vụ hiện nay tại công ty: thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty

Chức vụ hiện tại tại công ty khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 40.000 cổ phiếu

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Những người có liên quan (họ tên, số cổ phần nắm giữ).

Em ruột: Nguyễn Thị Hoạt, số cổ phần sở hữu: 5.000 CP

• Ủy viên hội đồng quản trị:

Họ tên: Phan Tính

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/6/1960

Nơi sinh: Đông Hợp - Đông Hưng - Thái Bình

Số CMND: 230 859 747

Ngày cấp: 25/5/2007

Nơi cấp: Công an tỉnh Gia Lai

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Đông Hưng, Thái Bình

Địa chỉ thường trú: 89/1 Nguyễn Thái Học, Tp. Pleiku, Gia Lai

Số điện thoại cơ quan: 059. 3823 604

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Từ tháng 11 năm 1986 đến tháng 4 năm 1988 công tác tại Sở Nông nghiệp tỉnh Gia Lai - Kon Tum.

Tháng 5 năm 1988 chuyển công tác về Công ty Chè Gia Lai.

Từ tháng 5 năm 1994 nhận công tác tại Công ty Điện Gia Lai. Tháng 5 năm 1997 đến nay giữ chức Trưởng phòng tổ chức - Hành chính Công ty Điện Gia Lai.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư Điện Tây Nguyên; Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính Công ty Điện Gia Lai

Số cổ phần nắm giữ: 30.000 Cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
Các khoản nợ đối với Công ty: Không
Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ: Không

• **Ủy viên hội đồng quản trị:**

Họ tên: Hà Huy Cường

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/06/1978

Số CMND: 273 053 061

Ngày cấp: 26/5/1995

Nơi sinh: Nghệ Tĩnh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Nghệ Tĩnh

Địa chỉ thường trú: Huyện Châu Đức - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Số điện thoại cơ quan: 059 3 720082

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế kỹ thuật

Quá trình công tác:

Từ năm 2002 Giám đốc Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - CN Gia Lai

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ hiện tại tại công ty khác: Giám đốc Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Gia Lai

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không

• **Trưởng ban kiểm soát:**

Họ tên: Phan Thanh Lạc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 03/8/1960

Nơi sinh: Giao Xuân - Giao Thủy - Nam Định

Số CMND: 230681756

Ngày cấp: 27/8/2003

Nơi cấp: Công an tỉnh Gia Lai

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Giao Thủy - Nam Định

Địa chỉ thường trú: 14 Sư Vạn Hạnh, P.Hội Thương, Tp.Pleiku, Gia Lai

Số ĐT liên lạc cơ quan: 059. 3716 169 Trình độ văn hóa:12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học tài chính kế toán

Quá trình công tác:

Từ tháng 01 năm 1983 đến tháng 12/1994 làm kế toán Sở Thủy lợi Gia Lai.

Từ tháng 01 năm 1995 đến nay: là Kế toán trưởng Công ty Điện Gia Lai.

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng ban kiểm soát công ty cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai Trưởng ban kiểm soát CTCP Đầu tư Điện Tây Nguyên;, Kế toán trưởng Công ty Điện Gia Lai

Số cổ phần nắm giữ: 30.000 Cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Cổ phần những người có liên quan đang nắm giữ:

Vợ: Nguyễn Thị Điều Số cổ phần nắm giữ:35.000CP

• **Thành viên ban kiểm soát:**

Họ tên: Đặng Xuân Cẩm

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 08/04/1950

Số CMND: 230 517 347

Nơi cấp: Công an tỉnh Gia Lai

Ngày cấp: 15/5/2009

Nơi sinh: Tây Sơn – Bình Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tây Sơn – Bình Định

Địa chỉ thường trú: 02 Nguyễn Viết Xuân, P. Đoàn Kết, TX Ayunpa

Số điện thoại cơ quan: 0593 657 245

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cao cấp chính trị

Quá trình công tác:

Từ năm 1976 đến năm 1982: Cán bộ Phòng tài chính huyện Ayunpa.

Từ năm 1982 đến năm 1983: Phó trưởng phòng Tài chính huyện Ayunpa - Gia Lai.
Từ năm 1983 đến năm 1985: Quyền trưởng phòng tài chính huyện Ayunpa- Gia Lai.
Từ năm 1986 đến năm 2000: Trưởng phòng tài chính huyện Ayunpa - Gia Lai.
Từ năm 2001- đến năm 2002: Giám đốc Siêu thị Lào- Việt tại Viên Chăn (Lào)
Từ tháng 08/2002- đến 09/2004: Phó Giám đốc phụ trách chi nhánh Công ty XNK Tổng hợp III tại Quy Nhơn (Centrimex)
Từ năm 07/2006 đến nay: Trưởng phòng Hành chính - Nhân sự Công ty CP Mía đường- Nhiệt điện Gia Lai.

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên ban Kiểm soát, Trưởng phòng HC - NS

Số cổ phần nắm giữ: 10.000 Cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: không.

• **Thành viên ban kiểm soát:**

Họ tên: Lê Trọng Nam

Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 20/10/1962
Nơi sinh: An Ninh, Bình Lục , Nam Hà
Số CMND: 230 347 682
Nơi cấp: Công an tỉnh Gia Lai
Ngày cấp: 24/11/2005
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: An Ninh, Bình Lục , Nam Hà
Địa chỉ thường trú: Iapa, Gia Lai
Số điện thoại liên lạc: 059 3 857780
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Sơ cấp chính trị
Quá trình công tác:

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên ban kiểm soát

Chức vụ hiện tại tại công ty khác : Chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp

Số cổ phần nắm giữ: 3.000 CP

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Những người có liên quan: (họ tên, số cổ phần nắm giữ).

Vợ: Nguyễn Thị Nhiều: 1.800 CP

Con: Lê Trọng Cường: 3.900 CP

Con: Lê Trọng Kiên: 2.200 CP

• **Ban Giám đốc:**

Giám đốc: Nguyễn Ngọc Ánh (Lý lịch như trình bày ở trên)

Phó giám đốc: Nguyễn Văn Lùng (Lý lịch như trình bày ở trên)

Phó giám đốc:

Họ tên: Cáp Thành Dũng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 10/08/1971

Nơi sinh: An Nhơn – Bình Định

Số CMND: 230 934 911

Nơi cấp: Gia Lai

Ngày cấp: 23/02/2009

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: An Nhơn - Bình Định

Địa chỉ thường trú: 109 Ngô Quyền, TX Ayunpa, Tỉnh Gia Lai.

Số điện thoại liên lạc: 0593 603 337

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ thực phẩm, Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Từ năm 1995 đến năm 1996: Cán bộ kỹ thuật Công ty Mía đường Gia Lai

Từ năm 1997 đến 2004: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty TNHH Mía đường Bourbon Gia Lai

Năm 2005 đến 7/2007: Giám đốc nhà máy - Công ty TNHH Mía đường Bourbon Gia Lai

Từ tháng 8/2007 đến nay: Phó Giám đốc CTCP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai

Chức vụ hiện nay tại công ty: Phó giám đốc

Chức vụ hiện tại tại công ty khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 10.000 Cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Những người có liên quan: (họ tên, số cổ phần nắm giữ).

- Vợ: Võ Thị Minh Phần :10.000 CP
- Anh ruột: Cáp Thành Long: 57.000 CP.

• **Kế toán trưởng:**

Họ tên: Hồ Đắc Dũng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 02/04/1954

Số CMND: 230 054 294

Ngày cấp: 23/02/2009

Nơi cấp: Công an Gia Lai

Nơi sinh: An Nhơn - Bình Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: An Nhơn - Bình Định

Địa chỉ thường trú: 19 Đoàn Thị Điểm, P.Diên Hồng, TP.Pleiku

Số điện thoại : 0593 657 217

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán tài chính

Quá trình công tác:

Từ năm 1980 đến năm 1988: Kế toán trưởng xí nghiệp cơ khí tỉnh Gia Lai-Kom tum.

Từ năm 1988 đến năm 1989: Chuyên viên kinh tế Sở Công nghiệp Tỉnh Gia Lai.

Từ năm 1990 đến tháng 07/1995: Kế toán trưởng Công ty Dầu thực vật Tỉnh Gia Lai.

Từ tháng 08/1995 đến tháng 07/2007: Kế toán trưởng Công ty Mía đường Gia Lai kiêm kế toán trưởng Công ty TNHH Mía đường Bourbon Gia Lai.

Từ tháng 08/2007 đến nay: Kế toán trưởng Cty CP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai.

Chức vụ hiện nay tại công ty: Kế toán trưởng

Chức vụ hiện tại tại công ty khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 20.000 Cp

Hành vi vi phạm pháp luật: không

Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không

13. Tài sản (thời điểm 30/09/2009)

Dvt: Đồng

TT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% còn lại
I	TSCĐ Hữu hình	191,873,598,854	88,915,305,657	46%
1	Nhà cửa vật kiến trúc	62,518,205,817	36,276,096,662	58%
2	Máy móc thiết bị	140,439,509,460	51,666,949,081	37%

3	Phương tiện vận tải	2,378,360,750	690,227,806	29%
4	Thiết bị văn phòng	767,252,392	282,032,108	37%
II	TSCĐ Vô hình	2,461,186,516	1,424,653,025	58%
	Tổng cộng	194,334,785,370	90,339,958,682	46%

14. Đất đai, bất động sản thuộc quyền quản lý sử dụng của Công ty:

Công ty hiện đang sử dụng lô đất có diện tích 160.000 m² tại địa chỉ số 561 Trần Hưng Đạo, thị xã Ayunpa, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K691181 do UBND tỉnh Gia Lai cấp ngày 19/08/1997 thời hạn sử dụng 49 năm (đến tháng 8/2047), mục đích giao đất là đất sản xuất kinh doanh, hình thức là thuê đất trả tiền thuê hàng năm. Hiện nay Công ty đang sử dụng làm trụ sở văn phòng công ty và xây dựng nhà máy trên phần diện tích đất được giao trên.

15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận, cổ tức trong năm kế tiếp

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010	
	Triệu đồng	% tăng giảm so với năm 2008	Triệu đồng	% tăng giảm so với 2009
Doanh thu thuần	180,707	-3%	277,000	53%
Lợi nhuận sau thuế	33,250	-21%	35,000	21%
LN sau thuế/DT thuần	18%		17%	
LN sau thuế/VCSH	27%		27%	
Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá	18%		22%	

Ghi chú: Doanh thu từ năm 2010 tăng do diện tích trồng mía được mở rộng, hiện tại diện tích mía đã trồng phục vụ cho việc khai thác trong niên vụ 2010 là 5.040 ha, tăng 1.150 ha so với diện tích khai thác năm 2009 là 3.890 ha.

Diện tích mía nguyên liệu phục vụ sản xuất năm 2008 là 3.867 ha, tương đương với diện tích mía trong năm 2009, tuy nhiên lợi nhuận kế hoạch năm 2009 thấp hơn lợi nhuận thực tế năm 2008 do dự kiến năm 2009 giá mía nguyên liệu đầu vào tăng giá theo theo tình hình chung của thị trường.

16. tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, ROSE đưa ra đánh giá về hoạt động kinh doanh của SEC trong giai đoạn từ năm 2009-2010 dựa trên cơ sở thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của SEC. ROSE cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của SEC dự kiến trong giai đoạn 2009-2010 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

ROSE cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa được thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết: Không

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công mà có thể ảnh hưởng giá cổ phiếu chứng khoán đăng ký niêm yết: Không

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá: 10.000 đ/ cổ phiếu
3. Tổng số chứng khoán niêm yết: 12.613.472 cổ phiếu
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật:

Số cổ phần của cổ đông sáng lập là 7.857.692 cổ phần. Sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (ngày 02/08/2007), các hạn chế chuyển nhượng của cổ phần của cổ đông sáng lập được bãi bỏ.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng nắm giữ 228.000 CP (không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ) và cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo.

5. Giá niêm yết dự kiến: 18.000đ/cổ phiếu
6. Phương pháp tính giá

Tính theo phương pháp so sánh chỉ số P/B:

Tên Công Ty	Mã cổ phiếu	Thị trường	P/BV
CTCP Mía đường Lam Sơn	LSS	HOSE	2.33
CTCP đường Biên Hòa	BHS	HOSE	1.81
CTCP Bourbon Tây Ninh	SBT	HOSE	1.3
Trung bình			1.81

Nguồn: Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh, Bản tin thị trường, 30/10/2009

Giá trị sổ sách của cổ phiếu SEC tại thời điểm 30/09/2009:

$$BV = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{160,250,164,530 \text{ đồng}}{12,613,472 \text{ cổ phiếu}} = 12,705 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Giá cổ phiếu SEC theo phương pháp P/B là 23.000 đồng/cp ($1.81 * 12,705 \text{ đồng/cp}$)

Với tình hình thị trường có nhiều biến động trong thời điểm cổ phiếu SEC chào sàn và thực tế hiện nay trên thị trường OTC cổ phiếu SEC giao dịch quanh mức giá 18.000đ/cp, chúng tôi đưa ra mức giá tham chiếu trong phiên giao dịch đầu tiên là 18.000 đồng/cp.

7. Giới hạn về tỉ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết giao dịch trên HOSE thì các cổ đông nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

8. Các loại thuế có liên quan

Về thuế GTGT

Các loại sản phẩm của công ty chịu mức thuế giá trị gia tăng như sau:

- Các loại sản phẩm: đường, mật rỉ, phân bón mức thuế suất là 5%.
- Điện thương phẩm: mức thuế suất là 10%.

8.2. Về thuế TNDN

Chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần, Công ty được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 1950 - GCNĐC2/39/1 ngày 19/10/2007 của UBND tỉnh Gia Lai thì thuế thu nhập doanh nghiệp đối với Công ty là 10% trong 05 năm (từ năm 2007 đến năm 2011) và 25% trong những năm tiếp theo, riêng 02 năm (2007 và 2008) chỉ nộp 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Ngoài ra công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp của Quý 4/2008 và cả năm 2009 theo thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009.

8.3. Thuế thu nhập cá nhân

Đối với cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư chứng khoán tại Việt Nam tạm thời chưa phải nộp thuế thu nhập đối với khoản thu nhập từ cổ tức, lãi trái phiếu, chênh lệch mua bán chứng khoán và các khoản thu nhập khác từ đầu tư chứng khoán theo quy định hiện hành.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA (ROSE)

Website : www.rose.com.vn

Email : contact@rose.com.vn

Địa chỉ : 106 Nguyễn Huệ, Quận 1, TPHCM

Số ĐT : (84) 08. 38247.948. Fax : (84) 08. 38247.950

2. Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Website: www.aac.com.vn

Email: aac@dng.vnn.vn

Địa chỉ: 217 Nguyễn Văn Linh, TP Đà Nẵng

Số ĐT: (84) 511. 3655 886. Fax: (84) 511. 3655 887

VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục II:** Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
3. **Phụ lục VI:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008
4. **Phụ lục VII:** Các báo cáo tài chính 09 tháng đầu năm 2009
5. **Các phụ lục khác (nếu có)**

Gia Lai, ngày 27 tháng 11 năm 2009

**TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NHIỆT ĐIỆN GIA LAI**

GIÁM ĐỐC

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Ánh

Tân Xuân Hiến

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thanh Lạc

Hồ Đắc Dũng

**TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HOÀNG GIA**

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hồ Công Hưởng